ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ **KHOA DU LỊCH**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ SỰ KIỆN**

## **Ngành: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

## **Mã ngành: 781 01 03**

## **Chuyên ngành: Quản trị Sự kiện**

## **Mã chuyên ngành: 781 01 03 02**

## **Trình độ đào tạo: Đại học**

**ĐÀ NẴNG, 2021**

**MỤC LỤC**

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 1

* 1. Giới thiệu về chương trình đào tạo 1
  2. Thông tin chung về chương trình đào tạo 1
  3. Triết lý giáo dục của trường Đại học Kinh tế 1
  4. Sứ mệnh và viễn cảnh của Trường Đại học Kinh tế 2

PHẦN 2. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 3

* 1. Căn cứ của chương trình đào tạo 3

2.1.1 Căn cứ pháp lý 3

2.1.2 Căn cứ thực tiễn.......................................................................................................3

* 1. Mục tiêu chương trình 3
  2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 4
  3. Cơ hội nghề nghiệp 4
  4. Đối tượng tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp 5
     1. Đối tượng tuyển sinh 5
     2. Quá trình đào tạo 5
     3. Điều kiện tốt nghiệp 5
  5. Cách tính điểm: Theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành. 6
  6. Phương pháp dạy và học 6
     1. Chiến lược giảng dạy trực tiếp 6
     2. Chiến lược kỹ năng suy nghĩ 6
     3. Chiến lược dựa trên hoạt động 7
     4. Chiến lược dựa trên hợp tác 8
     5. Chiến lược học tập độc lập 9
  7. Phương pháp đánh giá 11
  8. Khung chương trình đào tạo 13
     1. Cấu trúc chương trình 13
     2. Các học phần 15
  9. Hoạt động ngoại khoá 21
  10. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR) và các học phần 21
  11. Lộ trình đào tạo 25
  12. Đối sánh với một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước 29
  13. Hướng dẫn thực hiện chương trình 30

PHẦN 3. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN 31

**MỤC LỤC BẢNG**

Bảng 1.1 Thông tin chung của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị Sự kiện 1

Bảng 2.1 Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị Sự kiện 4

Bảng 2.2 Sự tương thích giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 9

Bảng 2.3 Sự tương thích giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo 12

Bảng 2.4 Các khối kiến thức và số tín chỉ tương ứng 14

Bảng 2.5 Các học phần và phân bổ tín chỉ tương ứng 15

Bảng 2.6 Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và các học phần 21

Bảng 2.7 Lịch trình đào tạo chuyên ngành Quản trị Sự kiện (các học phần bắt buộc) 25

Bảng 2.8 Thời điểm sớm nhất có thể chọn các học phần tự chọn ...........................................26

**MỤC LỤC HÌNH**

*Hình 2.1 Lộ trình học các học phần bắt buộc* 27

*Hình 2.2 Lộ trình học dự kiến các học phần tự chọn* 28

**PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

* 1. **Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị sự kiện (Chương trình) được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể theo đuổi nhiều ngành nghề công việc trong các công ty tổ chức sự kiện cũng như các bộ phận tổ chức sự kiện trong các doanh nghiệp du lịch..

Chương trình được triển khai theo học chế tín chỉ với 134 tín chỉ. Cấu trúc và nội dung của khung chương trình được thiết kế kỹ lưỡng bao gồm 5 khối kiến thức và kỹ năng: khối kiến thức đại cương, khối kiến thức khối ngành, khối kiến thức chung của ngành, khối kiến thức chuyên ngành và thực tập tốt nghiệp. Trong chương trình, các hoạt động dạy và học được thiết kế hướng đến khuyến khích sự tham gia tích cực của người học và gắn với thực tiễn. Các hoạt động đánh giá lấy người học làm trung tâm. Lộ trình học được thiết kế để hướng dẫn người học có thể tự lập một kế hoạch học tập linh hoạt cho riêng mình trong vòng từ 3,5 đến 6 năm.

Sinh viên tốt nghiệp của chương trình sẽ không chỉ có thể ứng tuyển vào các vị trí công việc trong lĩnh vực tổ chức sự kiện mà còn có thể theo đuổi các chương trình đào tạo ở bậc cao hơn. Bên cạnh các hoạt động học thuật, sinhh viên còn có thể tham gia các hoạt động ngoại khoá nhằm củng cố các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cũng như trách nhiệm đối với xã hội.

* 1. **Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Thông tin chung của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị sự kiện được mô tả khái quát trong bảng 1.1

***Bảng 1.1 Thông tin chung của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị Sự kiện***

Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Tourism and Travel Management)

Mã ngành 781 01 03

Chuyên ngành: Quản trị sự kiện (Event Management)

Mã ngành 781 01 03 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Bằng cấp: Cử nhân

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Số tín chỉ: 134 *(không kể các học phần Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)*

* 1. **Triết lý giáo dục của trường Đại học Kinh tế**

Chúng tôi tin tưởng rằng giáo dục đại học đóng vai trò then chốt trong “kiến tạo xã hội tương lai”. Chúng tôi theo đuổi tư tưởng giáo dục khai phóng, với tính nhân bản, tinh thần khoa học và sự chủ động học tập suốt đời của mỗi cá nhân, vì mục tiêu xây dựng một xã hội thịnh vượng và tiến bộ.

Ba trụ cột trong quan điểm giáo dục của chúng tôi là:

***"Khai phóng - Tự thân - Hữu ích"***

***Giáo dục khai phóng***: Chúng tôi tin tưởng rằng, sứ mệnh của giáo dục là khám phá và thúc đẩy các tiềm năng to lớn của con người trong tiến trình xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn. Giáo dục đại học đóng vai trò tổ chức, tạo lập điều kiện và thúc đẩy mỗi cá nhân tự khai mở các năng lực riêng biệt trong việc theo đuổi các giá trị sống tốt đẹp của chính mình, thúc đẩy tiến bộ xã hội.

***Sự tự thân:*** Chúng tôi quan niệm rằng, hoạt động cốt lõi trong giáo dục đại học là sự tự rèn luyện của mỗi cá nhân. Phương châm giáo dục của chúng tôi là thúc đẩy mọi người không ngừng tự đào tạo, tự hoàn thiện và tự khẳng định mình.

***Tính hữu ích:*** Chúng tôi xác định rằng, sự tích lũy tri thức và sáng tạo từ giáo dục đại học phải có giá trị thực tiễn và phục vụ cho tiến bộ xã hội. Chúng tôi đề cao tính hữu dụng và đạo đức trong nghiên cứu, đào tạo và hợp tác phát triển của mình.

* 1. **Sứ mệnh và viễn cảnh của Trường Đại học Kinh tế**

***Sứ mệnh***

Là một trường đại học định hướng nghiên cứu, chúng tôi tạo dựng môi trường học thuật tiên tiến nhằm thúc đẩy khám phá, ứng dụng, chuyển giao tri thức khoa học kinh tế và quản lý; đảm bảo nền tảng thành công và năng lực học tập suốt đời cho người học; nuôi dưỡng và phát triển tài năng; giải quyết các thách thức kinh tế - xã hội phục vụ sự phát triển thịnh vượng của cộng đồng.

***Viễn cảnh***

Khát vọng của chúng tôi là trở thành đại học nghiên cứu hàng đầu Việt Nam, đóng góp tích cực vào sự thịnh vượng của cộng đồng ASEAN và tri thức nhân loại.

***Hệ thống giá trị***

* Chính trực
* Sáng tạo
* Hợp tác
* Cảm thông
* Tôn trọng cá nhân

**PHẦN 2. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

* 1. **Căn cứ của chương trình đào tạo**

**2.1.1. Căn cứ pháp lý**

* + - Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
    - Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Giáo dục và

Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học

* + - Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục Đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ;
    - Quyết định số 706/QĐ-ĐHKT ngày 31/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc Ban hành quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
    - Quyết định số 705/QĐ-ĐHKT ngày 31/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc Ban hành quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo.

**2.1.2. Căn cứ thực tiễn**

Trước sự gia tăng không ngừng của nhu cầu tổ chức sự kiện và lễ hội, thời gian qua đã có hàng ngàn các công ty tổ chức sự kiện ở nước ta đã được thành lập. Tuy nhiên, nhu cầu về một lực lượng lao động có đầy đủ phẩm chất, kỹ năng nghề nghiệp và trình độ chuyên môn về tổ chức các sự kiện và lễ hội cao nhưng hầu như chưa được đáp ứng. Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học công nghệ, khách hàng ngày càng khó tính hơn, có yêu cầu cao hơn đối với các sự kiện cũng như sự thay đổi trong hành vi khách hàng sự kiện khi bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh đòi hỏi phải có một lực lượng nhân lực chuyên nghiệp, có chất lượng cao để đảm bảo có được các sự kiện đẳng cấp và thành công kể cả ở tầm quốc tế. Vì vậy, để có thể cung cấp nguồn nhân lực tổ chức sự kiện chuyên nghiệp, đẳng cấp, có chất lượng, việc triển khai đào tạo ngành Quản trị Sự kiện vẫn có ý nghĩa hết sức lớn lao trong việc phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực sự kiện. Nhằm có được một chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng đầu ra đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động cũng như những mong muốn của các nhà tuyển dụng đối với người tốt nghiệp của chương trình, khoa Du lịch đã tiếp thu ý kiến của các nhà tuyển dụng trong buổi tọa đàm doanh nghiệp tổ chức đầu năm 2021 cũng như lắng nghe các phản hồi của các bên liên quan để hoàn chỉnh chương trình đào tạo này.

* 1. **Mục tiêu chương trình**

Mục tiêu của **c**hương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị sự kiện là giúp người học

+ có nền tảng kiến thức sâu rộng về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, du lịch, quản trị sự kiện

+ có đủ kỹ năng cơ bản, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng sẵn sàng làm việc trong lĩnh vực sự kiện

+ có năng lực học tập suốt đời, năng lực nghiên cứu để tự nâng cao trình độ, nâng cao khả năng thích nghi nghề nghiệp

+ trở thành các nhà quản trị năng động, nhạy bén và hiệu quả trong các đơn vị tổ chức sự kiện

+ trở thành một công dân ưu tú có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng

* 1. **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị sự kiện sinh viên có khả năng:

***Bảng 2.1 Chuẩn đầu ra (CĐR) chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị Sự kiện***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **MÃ CĐR** | **Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** |
| 1 | **PLO1** | Vận dụng được các kiến thức nền tảng của kinh tế, pháp luật, văn hoá vào quản trị doanh nghiệp du lịch trong môi trường toàn cầu hoá |
| 2 | **PLO2** | Kiểm soát được các hoạt động phục vụ khách và các hoạt động chức năng khác trong các doanh nghiệp du lịch như tài chính, marketing, nguồn nhân lực và chuỗi cung ứng phù hợp với xu hướng đổi mới trong kinh doanh du lịch của thế giới |
| 3 | **PLO3** | Đề xuất được các loại kế hoạch và dự án kinh doanh, dự án khởi nghiệp cho doanh nghiệp sự kiện trong một môi trường kinh doanh ngày càng biến đổi nhanh chóng |
| 4 | **PLO4** | Thực hiện thành thạo các hoạt động trước, trong và sau khi tổ chức các sự kiện với những quy mô khác nhau |
| 5 | **PLO5** | Có tư duy sáng tạo, phản biện và ra quyết định một cách khoa học và  độc lập trong các dự án nghiên cứu và thực tiễn công việc |
| 6 | **PLO6** | Giao tiếp tốt trong một môi trường đa dạng và có khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong một môi trường hoạt động đa dạng, đặc biệt là với các bên liên quan trong quá trình tổ chức một sự kiện |
| 7 | **PLO7** | Sử dụng thông thạo ít nhất một ngoại ngữ (1), đặc biệt trong quá trình tổ chức các sự kiện có tính chất quốc tế |
| 8 | **PLO8** | Sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng ở trình độ nâng cao và các ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong lĩnh vực tổ chức sự  kiện |
| 9 | **PLO9** | Có ý thức tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm với cộng đồng, có đạo  đức kinh doanh và tôn trọng văn hoá của doanh nghiệp |

*(1) tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam*

* 1. **Cơ hội nghề nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp chương trình này, sinh viên có thể ứng tuyển vào các vị trí công việc tại các công ty chuyên tổ chức sự kiện hoặc bộ phận tổ chức sự kiện trong các công ty du lịch ở các vị trí như: nhân viên tổ chức sự kiện, nhân viên điều phối tổ chức sự kiện, chuyên viên Marketing sự kiện, chuyên viên vận động tài trợ sự kiện, nhân viên thiết kế sự kiện, nhân viên dàn dựng sự kiện… Sinh viên cũng có thể làm việc tại các tổ chức đào tạo nhân lực hoặc các viện nghiên cứu liên quan đến du lịch nói chung, tổ chức sự kiện, lễ hội nói riêng. Sau một thời gian làm việc ở vị trí nhân viên, sinh viên có thể đảm nhiệm các vị trí cao hơn như giám sát hoặc trưởng các nhóm nhân sự chịu trách nhiệm tổ chức 1 sự kiện hoặc hướng đến các vị trí cấp cao trong bộ máy tổ chức của doanh nghiệp.

Sinh viên cũng có thể khởi nghiệp tự làm chủ một doanh nghiệp chuyên tổ chức sự kiện, lễ hội hoặc làm việc trong các tổ chức đào tạo và nghiên cứu về lĩnh vực quản trị sự kiện.

* 1. **Đối tượng tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**
     1. **Đối tượng tuyển sinh**

Theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế.

* + 1. **Quá trình đào tạo**

Quá trình đào tạo tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Kinh tế. Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống đơn vị tín chỉ cho phép sinh viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân. Thiết kế chương trình là 4 năm, tuỳ theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3,5 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa lên đến 6 năm.

Chương trình đào tạo gồm 134 tín chỉ (không bao gồm các tín chỉ của học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. Mỗi năm học có hai học kỳ chính (bắt đầu từ giữa tháng 8 đến cuối tháng 6) và một học kỳ hè (bắt đầu từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 8). Theo lộ trình đào tạo, sinh viên sẽ học phần lớn các học phần thuộc khối kiến thức đại cương (40 tín chỉ) và các học phần thuộc khối kiến thức khối ngành (21 tín chỉ) trong 4 học kỳ đầu; các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành sẽ được học vào đầu năm thứ 2 trở đi. Sinh viên có một kỳ học tại doanh nghiệp vói học phần Kiến tập nghề nghiệp vào kỳ hè năm 3. Sau đó, sinh viên sẽ đi thực tập kì học cuối cùng của chương trình và lựa chọn 1 trong 2 hình thức: Báo cáo thực tập tốt nghiệp hoặc Báo cáo khóa luận tốt nghiệp (với điều kiện sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học", có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp).

* + 1. **Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

* + - * Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không

đang trong thời gian bị kỉ luật ở mức đình chỉ học tập.

* + - * Tích luỹ đủ số học phần và khối lượng chương trình đào tạo.
      * Điểm trung bình chung tích luỹ của toàn khoá học đạt từ 2.00 trở lên.
      * Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do hiệu trưởng qui định.
      * Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất.
      * Có chứng chỉ ngoại ngữ (TOIEC 450 hoặc tương đương).
      * Có chứng chỉ tin học (Tin học nâng cao hoặc tương đương).
      * Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.
      * Điều kiện tốt nghiệp có thể được cập nhật theo Quy chế đào tạo hiện hành.
  1. **Cách tính điểm: Theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành.**
  2. **Phương pháp dạy và học**
     1. **Chiến lược giảng dạy trực tiếp**

Đối với chiến lược giảng dạy trực tiếp, thông tin được truyền đạt đến sinh viên theo cách trực tiếp: giáo viên giảng bài và sinh viên lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và đặc biệt hiệu quả khi giảng viên muốn truyền đạt cho sinh viên những kiến thức cơ bản hoặc giải thích một kĩ năng mới.

* + - * **Giải thích cụ thể -** *Explicit Teaching* **(TLM1):** Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên giải thích và hướng dẫn chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu về cả kiến thức và kỹ năng..
      * **Thuyết giảng -** *Lecture* **(TLM2):** Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt..
      * **Tham luận** *- Guest lecture* **(TLM3):** Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học, trong đó người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những chuyên gia đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Họ là các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh tế và hợp tác quốc tế đến từ các cơ quan quản lý nhà nước, ban ngành các cấp từ trung ương đến địa phương, hoặc các tổ chức quốc tế tổ chức xã hội, phi lợi nhuận liên quan đến công việc hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch và quản lý hoạt động kinh tế quốc tế, hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế của Việt Nam có quan hệ kinh tế với nước ngoài, các công ty liên doanh, văn phòng đại diện của nước ngoài và các công ty nước ngoài tại Việt Nam, hoặc các nghiên cứu viên kinh nghiệm tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và các cơ sở nghiên cứu.Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giả, họ sẽ giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chương trình đào tạo. Với lực lượng cựu sinh viên thành công ở nhiều vị trí khác nhau trong các loại hình doanh nghiệp và tổ chức trên khắp miền Trung và Tây Nguyên của Việt Nam, cũng như mối quan hệ tốt đẹp giữa Khoa Du lịch và các hiệp hội doanh nghiệp, các công ty lữ hành, các cơ sở kinh doanh lưu trú, các công ty tổ chức sự kiện nên phương pháp này được sử dụng nhiều trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị sự kiện
      * **Hội thảo/Hướng dẫn -** *Seminar/Tutorial* **(TLM4):**

Hội thảo hoặc hướng dẫn là một phương pháp hướng dẫn tập hợp một nhóm nhỏ sinh viên để thảo luận về các chủ đề quan tâm hoặc kiểm tra các lĩnh vực chuyên sâu hơn dưới sự chỉ đạo của giáo viên hoặc trưởng nhóm thảo luận. Các hội thảo cung cấp cơ hội cho sinh viên đảm nhận vai trò lãnh đạo trong việc dẫn dắt cuộc thảo luận trong một nhóm nhỏ.

Hướng dẫn là cơ hội định hướng để thảo luận về các dự án độc lập, để khắc phục và cho người học nâng cao để khám phá các chủ đề phức tạp hơn. Trách nhiệm cho các cuộc thảo luận và phân tích được trao cho các sinh viên, cho phép họ học hỏi lẫn nhau và do đó đảm bảo thảo luận có ý nghĩa và tương tác nhóm..

* + 1. **Chiến lược kỹ năng suy nghĩ**

Chiến lược kĩ năng suy nghĩ phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành kĩ năng phản xạ trong phương pháp học tập của sinh viên. Những chiến lược này được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo, độc lập; bao gồm: giải quyết vấn đề, động não và nghiên cứu trường hợp cụ thể.

* + - * **Giải quyết vấn đề -** *Problem Solving* **(TLM5):** Trong quá trình học, sinh viên phải dùng tư duy sâu và logic để nhìn nhận và giải quyết các vướng mắc giữa tình hình hiện tại và mục tiêu mong muốn, qua đó, học được các kiến thức mới trong khi đối mặt và giải quyết vấn đề.
      * **Tập kích não -** *Brainstorming* **(TLM6):** Trong quá trình làm việc nhóm, sinh viên được yêu cầu sử dụng phương pháp này để tạo ra các câu hỏi, ý tưởng và ví dụ; được dùng để minh họa, mở rộng và đào sâu vào ý tưởng chính hoặc chủ đề. Mỗi thành viên của nhóm được khuyến khích đóng góp ý kiến mà không cần quan tâm tới tính khả thi. Phương pháp này tạo nên sự linh hoạt suy nghĩ của sinh viên và giúp tăng khả năng tìm kiếm và mở rộng vấn đề. Nó được dùng trong các học phần nhằm phát triển cách suy nghĩ sáng tạo, tìm kiếm ý tưởng và phương pháp giải quyết vấn đề.
      * **Nghiên cứu điển hình -** *Case Study* **(TLM7):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện và giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên thiết kế các nhiệm vụ dựa trên các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, qua đó giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu. Chương trình đào tạo Quản trị sự kiện sử dụng nhiều các tình huống từ những tập đoàn, doanh nghiệp trên toàn thế giới, tạo điều kiện cho người học tiếp cận với thực tiễn hoạt động quản trị.
    1. **Chiến lược dựa trên hoạt động**

Chiến lược này khuyến khích sinh viên học tập thông qua các hoạt động thực tế. Những hoạt động này cũng cấp cho sinh viên cơ hội trải nghiệm thực tế, điều này sẽ thúc đẩy người học thực hiện các khám phá, đưa ra quyết định, giải quyết vấn đề và tự mình tương tác với người khác.

* + - * **Đóng vai -** *Role play* **(TLM8):** Nhập vai là một quá trình trong đó người học khám phá suy nghĩ và cảm xúc của người khác bằng cách phản ứng và hành xử như người đó trong tình huống giả lập. Nó có thể liên quan đến các cặp, nhóm hoặc cả lớp. Nhập vai được sử dụng để kiểm tra quan điểm của người học và truyền đạt sự hiểu biết. Nó cho phép sinh viên áp dụng các kỹ năng cá nhân và nhóm để đánh giá kiến thức trước khi ra quyết định và giải quyết vấn đề bằng cách kiểm tra các tình huống trong bối cảnh xa lạ**.**
      * **Trò chơi** *- Game* **(TLM9):** Các trò chơi được xem như là hoạt động tương tác, có thể tạo ra sự hỗ trợ qua lại giữa giảng viên – sinh viên hoặc các thành viên trong lớp, giúp hệ thống hóa kiến thức đồng thời tăng cường sự tự tin của sinh viên. Trò chơi có thể được giảng viên đưa ra để mở đầu hoặc kết thúc bài học. Trò chơi cũng có thể được nhóm sinh viên đưa ra từ sự khuyến khích của giảng viên trong quá trình làm việc nhóm để mở đầu hoặc kết thúc bài thuyết trình của nhóm.
      * **Thực tế -** *Field Trip* **(TLM10):** Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại các cơ sở kinh doanh lưu trú, công ty lữ hành, công ty tổ chức sự kiện để giúp sinh viên trải nghiệm được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp; cung cấp cơ hội khám phá và học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong tổ chức. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị sự kiện đã phát triển phương pháp này từ rất sớm, trong quá trình học, sinh viên có cơ hội tham quan thực tế tại các doanh nghiệp ở đa dạng các lĩnh vực. Hình thức này không chỉ giúp sinh viên có trải nghiệm thực tiễn mà còn hỗ trợ họ tạo lập mạng lưới quan hệ xã hội với cộng đồng kinh doanh và doanh nghiệp.
      * **Tranh luận -** *Debates* **(TLM11):** Là chiến lược dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm khác nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.
      * **Mô phỏng -** *Simulation (***TLM12):** Một mô hình hoặc tập hợp các tình huống tái tạo các điều kiện thực tế hoặc giả thuyết mà qua đó sinh viên phản ứng và hành động như thể tình huống là có thật. Mô phỏng cho phép sinh viên khám phá các lựa chọn thay thế và giải quyết vấn đề cũng như kết hợp các giá trị và thái độ vào việc đưa ra quyết định và trải nghiệm kết quả.
      * **Giảng dạy dựa trên dự án -***Project Oriented learning* **(TLM13):** Là phương pháp trong đó sinh viên gặt hái được kiến thức và kỹ năng bằng cách nghiên cứu và tìm ra câu trả lời cho các câu hỏi phức hợp, các vấn đề hoặc các thử thách, dự án

Giáo viên sử dụng phương pháp này để giúp sinh viên phát triển kiến thức chuyên môn một cách chuyên sâu, kích thích việc phát triển các kỹ năng sẵn sàng cho công việc thực tế.

* + 1. **Chiến lược dựa trên hợp tác**

Chiến lược hợp tác giúp sinh viên trở nên năng động, có trách nhiệm và chu đáo, nhờ vào sự tương tác tích cực và hợp tác trong nhóm. Bên cạnh đó, sinh viên có thể thực hành các kĩ năng lắng nghe, tôn trọng và xem xét các mặt của một vấn đề. Chiến lược này tập trung vào các làm cho sinh viên tương tác với nhau và sau đó áp dụng các kỹ năng này vào thực tế.

* + - * **Thảo luận -** *Discussion* **(TLM14):** Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của khái niệm hay vấn đề.
      * **Thực hành nhóm -** *Pear Practice* **(TLM15):** Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công việc nhóm kể từ năm đầu tiên. Sau đó, họ sẽ được thực hành phương pháp này trong rất nhiều khóa học ở các cấp độ khác nhau..
      * **Câu hỏi gợi mở** *- Inquiry* **(TLM16):** Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.
      * **Phương pháp Jigsaw -** *Jigsaw* **(TLM17):** Chiến lược học tập hợp tác cung cấp cơ hội cho sinh viên đạt được nhiều quan điểm và hiểu biết khác nhau bằng cách tham gia vào một nhóm chuyên ngành và sau đó bằng cách chia sẻ và tích hợp những gì họ đã học được trong nhóm nhà của họ. Trò chơi ghép hình được sử dụng để giúp sinh viên có được cái nhìn tổng quan về một loạt các tài liệu hoặc ý kiến.
    1. **Chiến lược học tập độc lập**
       - **Dự án nghiên cứu/Nghiên cứu độc lập -** *Research Project* **(TLM18):** Phương pháp này phát triển khả năng của sinh viên trong việc lên kế hoạch, khám phá, tổ chức và giao tiếp đối với một chủ đề một cách độc lập và chi tiết, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó còn tăng cường động lực học tập và tích cực tham gia học tập bởi vì sinh viên được cho phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. Khoa Du lịch và Trường Đại học Kinh tế DUE có hệ thống giáo trình và tài liệu tham khảo đa dạng, cập nhật, hỗ trợ tích cực cho việc tự học của sinh viên.
       - **Đánh giá bài tập -***Work Assigment* **(TLM19):** Một công việc được hoàn thành bởi sinh viên bên ngoài lớp học và liên quan đến việc xem xét và thực hành học tập trên lớp. Nó được phân công để khuyến khích sinh viên chịu trách nhiệm về việc học tập của bản thân và tiếp thu các kỹ năng hoặc kiến thức cụ thể. Đánh giá bài tập cũng có thể khuyến khích sinh viên theo đuổi sở thích sâu sắc trong một chủ đề và tạo ra những suy nghĩ mới về chủ đề này.
       - **Tự học -** *Self-Studying* **(TLM20):** Là phương pháp mà một sinh viên chủ động, có hoặc không có sự hỗ trợ của người khác, trong việc đưa ra nhu cầu học tập của họ, xây dựng mục tiêu học tập, xác định nguồn nhân lực và vật lực cho việc học tập và đánh giá kết quả học tập..
       - **Đánh giá bạn học -** *Peer Grading* **(TLM21):** Là phương pháp trong đó một sinh viên kiểm tra và cho ý kiến đánh giá/ đánh giá về sản phẩm của một sinh viên khác. Phương pháp này gúp tăng khả năng thấu hiểu một vấn đề nhất định và giúp phát triển kỹ năng phản biện, kỹ năng đánh giá, ý thức tự chủ và tinh thần trách nhiệm.
       - **Giảng dạy dựa trên công nghệ -** *Blended Learning***(TLM22):** Giáo viên và sinh viên sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ quá trình dạy và học (E-learning, Edmodo, Facebook ...)

- *Khác (***TLM23***):* Các phương pháp khác.

***Bảng 2.2 Sự tương thích giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| MÃ CĐR | **Chuẩn đầu ra** | **Phương pháp dạy và học** |
| **PLO1** | Vận dụng được các kiến thức nền tảng của kinh tế, pháp luật, văn hoá và du lịch vào việc quản trị quản trị sự kiện, đặc biệt là các sự kiện nhằm phục vụ khách du lịch | Đánh giá bài tập, Giải thích cụ thể, Thuyết giảng, Tham luận, Giải quyết vấn đề, Tập kích não, Nghiên cứu điển hình, Thực tế, Tranh luận, Thảo luận, Thực hành nhóm, Câu hỏi gợi mở, Jigsaw, Dự án nghiên cứu, Tự học, Đánh giá bạn học, Phương pháp dựa trên công nghệ, Hội thảo/ Hướng dẫn. |
| **PLO2** | Kiểm soát được các hoạt động phục vụ khách và các hoạt động chức năng khác trong các doanh nghiệp du lịch như tài chính, marketing, nguồn nhân lực và chuỗi cung ứng phù hợp với xu hướng đổi mới trong kinh doanh du lịch của thế giới | Giải thích cụ thể, Thuyết giảng, Tham luận, Hội thảo / Hướng dẫn, Giải quyết vấn đề, Tập kích não, Nghiên cứu điển hình, Nhập vai,Trò chơi, Thực tế, Tranh luận, Mô phỏng, Thảo luận, Thực hành nhóm, Câu hỏi gợi mở, Jigsaw, Dự án nghiên cứu, Đánh giá bài tập, Đánh giá bạn học, Giảng dạy dựa trên dự án, Phương pháp dựa trên công nghệ |
| **PLO3** | Đề xuất được các loại kế hoạch và dự án kinh doanh, dự án khởi nghiệp cho doanh nghiệp sự kiện trong một môi trường kinh doanh ngày càng biến đổi nhanh chóng | Câu hỏi gợi mở, Thuyết giảng, Tham luận, Giải quyết vấn đề, Giải thích cụ thể, Tập kích não, Nghiên cứu điển hình, Thực tế, Tranh luận, Thảo luận, Thực hành nhóm, Jigsaw, Dự án nghiên cứu, Đánh giá bài tập, Tự học, Đánh giá bạn học, Giảng dạy dựa trên dự án, Phương pháp dựa trên công nghệ, Mô phỏng, Nhập vai |
| **PLO4** | Thực hiện thành thạo các hoạt động trước, trong và sau khi tổ chức các sự kiện với những quy mô khác nhau | Giải thích cụ thể, Tham luận, Giải quyết vấn đề, Nghiên cứu điển hình, Nhập vai, Jigsaw, Thực tế, Tranh luận, Mô phỏng, Thảo luận, Thực hành nhóm, Tự học, Phương pháp dựa trên công nghệ, Tập kích não, Câu hỏi gợi mở. |
| **PLO5** | Có tư duy sáng tạo, phản biện và ra quyết định một cách khoa học và độc lập trong các dự án nghiên cứu và thực tiễn công việc | Đánh giá bài tập, Dự án nghiên cứu, Đánh giá bạn học, Giải quyết vấn đề, Giải thích cụ thể, Nghiên cứu điển hình, Jigsaw, Nhập vai, Phương pháp dựa trên công nghệ, Tập kích não, Tham luận, Thảo luận, Thuyết giảng, Thực hành nhóm, Thực tế, Tranh luận, Tự học, Hội thảo/ Hướng dẫn, Trò chơi, Mô phỏng, Giảng dạy dựa trên dự án. |
| **PLO6** | Giao tiếp tốt trong một môi trường đa dạng và có khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong một môi trường hoạt động đa dạng, đặc biệt là với các bên liên quan trong quá trình tổ chức một sự kiện | Đánh giá bài tập, Câu hỏi gợi mở, Dự án nghiên cứu, Giải quyết vấn đề, Giải thích cụ thể, Nghiên cứu điển hình, Jigsaw, Nhập vai, Phương pháp dựa trên công nghệ, Tập kích não, Tham luận, Thảo luận, Thuyết giảng, Thực hành nhóm, Thực tế, Tranh luận, Trò chơi, Tự học, |
| **PLO7** | Sử dụng thông thạo ít nhất một ngoại ngữ (1), đặc biệt trong quá trình tổ chức các sự kiện  có tính chất quốc tế | Đánh giá bài tập, Câu hỏi gợi mở, Giải quyết vấn đề, Giải thích cụ thể, Nhập vai, Tập kích não, Tham luận, Thảo luận, Thuyết giảng, Thực tế, Trò chơi, Nghiên cứu điển hình, Thực hành nhóm, Câu hỏi gợi mở, Dự án nghiên cứu, Dựa trên công nghệ. |
| **PLO8** | Sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng ở trình độ nâng cao và các ứng dụng  công nghệ kỹ thuật số trong lĩnh vực tổ chức sự kiện | Đánh giá bài tập, Dự án nghiên cứu, Giải quyết vấn đề, Giải thích cụ thể, Tham luận, Thuyết giảng, Thực hành nhóm, Thực tế, Dựa trên công nghệ. |
| **PLO9** | Có ý thức tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm với cộng đồng, có đạo đức kinh doanh và tôn trọng văn hoá của doanh nghiệp | Đánh giá bài tập, Câu hỏi gợi mở, Dự án nghiên cứu, Đánh giá bạn học, Giải quyết vấn đề, Giải thích cụ thể, Nghiên cứu điển hình, Jigsaw, Nhập vai, Phương pháp dựa trên công nghệ, Tham luận, Thảo luận, Thuyết giảng, Thực hành nhóm, Thực tế, Tranh luận, Tự học, Hội thảo/ Hướng dẫn, Giải quyết vấn đề, Tập kích não, Nhập vai, Trò chơi, Mô phỏng. |

* 1. **Phương pháp đánh giá**

Đánh giá là quá trình ghi lại, lưu trữ và cung cấp thông tin về quá trình học tập của sinh viên. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục. Các phương pháp đánh giá được nêu rõ trong chương trình đào tạo này gắn với đề cương chi tiết từng học phần cấu thành nên chương trình đào tạo. Yêu cầu và tiêu chí của từng phương pháp đánh giá của từng học phần được các giảng viên phụ trách học phần đó thiết kế chi tiết và thông báo cho sinh viên vào buổi học đầu tiên.

Sau đây là những phương pháp đánh giá được áp dụng trong chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị sự kiện

* ***Đánh giá chuyên cần - Attendance Check (AM1)***

Cùng với tự học, việc có mặt thường xuyên của sinh viên và những đóng góp từ sinh viên trong suốt môn học cũng thể hiện thái độ của họ tới môn học đó.

* ***Đánh giá bài tập - Work Assigment (AM2)***

Sinh viên được yêu cầu làm bài tập liên quan đến bài học trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được hoàn thành bởi cá nhân hoặc nhóm và được cho điểm dựa theo những tiêu chí đã thông báo từ trước.

* ***Thuyết trình - Oral Presentation (AM3)***

Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan tới hoạt động thuyết trình trong giờ học hoặc sau giờ lên lớp. Các hoạt động này được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể (rubrics).

* ***Đánh giá hoạt động - Performance test (AM4)***

Sinh viên được yêu cầu thực hiện một số thao tác cụ thể, kỹ thuật theo yêu cầu về kiến thức và kĩ năng của môn học.

* ***Nhật kí thực tập - Journal and blogs (AM5)***

Sinh viên viết nhật kí thực tập trong suốt quá trình thực hành để phản ánh hiệu suất và kinh nghiệm trong trải nghiệm học tập. Đây là phương pháp chính để đánh giá sinh viên trong khoá thực tập.

* ***Thi viết tự luận - Essay (AM6)***

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của khoá học.

* ***Kiểm tra trắc nghiệm - Multiple choice exam (AM7)***

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, tuy nhiên điểm khác biệt là sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

* ***Bảo vệ và thi vấn đáp - Oral Exam (AM8)***

Sinh viên được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp. Phương pháp này được sử dụng trong một số học phần để đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức và kỹ năng thuyết trình. Tất cả các học phần áp dụng kiểm tra vấn đáp đều có tiêu chuẩn đánh giá (rubrics) và được công bố.

* ***Viết báo cáo - Written Report (AM9)***

Sinh viên được đánh giá thông qua các báo cáo, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, hình vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

* ***Thuyết trình cá nhân - Oral Presentation (AM10)***

Phương pháp đánh giá này rất giống với phương pháp thuyết trình song là đánh giá tổng kết (summative), được thực hiện định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ hoặc sau khoá học).

* ***Đánh giá làm việc nhóm - Teamwork (AM11)***

Đánh giá công việc nhóm được sử dụng khi thực hiện các hoạt động giảng dạy nhóm và được sử dụng để đánh giá kĩ năng làm việc nhóm của sinh viên. Phiếu đánh giá nhóm và tiêu chí đánh giá được công bố rõ.

* ***Báo cáo khoá luận - Graduation Thesis/ Report (AM12)***

Trong phương pháp này, sinh viên được đánh giá thông qua bài báo cáo trước Hội đồng đánh giá được nhà trường ra quyết định thành lập trên cơ sở đề xuất của Khoa. Sinh viên thuyết trình báo cáo khóa luận của mình trước Hội đồng, giáo viên phản biện và các thành viên Hội đồng nhận xét và nêu ra các câu hỏi. Sinh viên trả lời trực tiếp câu hỏi tại buổi bảo vệ khóa luận. Phương pháp này được sử dụng trong kỳ thực tập để đánh giá năng lực tổng thể của sinh viên bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ đối với những bạn đủ điều kiện bảo vệ khóa luận theo qui định. Hội đồng đánh giá sẽ cho điểm theo Rubric được cung cấp bởi Khoa/Bộ môn. Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là điểm trung bình của các thành viên Hội đồng, được Hội đồng quyết định.

***Bảng 2.3 Sự tương thích giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| MÃ CĐR | **Chuẩn đầu ra** | **Phương pháp đánh giá** |
| **PLO1** | Vận dụng được các kiến thức nền tảng của kinh tế, pháp luật, văn hoá và du lịch vào việc quản trị quản trị sự kiện, đặc biệt là các sự kiện nhằm phục vụ khách du lịch | Báo cáo, Đánh giá bài tập, Đánh giá chuyên cần, Đánh giá làm việc nhóm, Đánh giá thuyết trình nhóm, Khoá luận tốt nghiệp, Kiểm tra trắc nghiệm, Kiểm tra viết, Nhật ký thực tập, Thi vấn đáp, Khác |
| **PLO2** | Kiểm soát được các hoạt động phục vụ khách và các hoạt động chức năng khác trong các doanh nghiệp du lịch như tài chính, marketing, nguồn nhân lực và chuỗi cung ứng phù hợp với xu hướng đổi mới trong kinh doanh du lịch của thế giới | Báo cáo, Đánh giá bài tập, Đánh giá chuyên cần, Đánh giá hoạt động, Đánh giá làm việc nhóm, Đánh giá thuyết trình nhóm, Khoá luận tốt nghiệp, Kiểm tra trắc nghiệm, Kiểm tra viết, Nhật ký thực tập, Thi vấn đáp , Thuyết trình cá nhân, Khác |
| **PLO3** | Đề xuất được các loại kế hoạch và dự án kinh doanh, dự án khởi nghiệp cho doanh nghiệp sự kiện trong một môi trường kinh doanh ngày càng biến đổi nhanh chóng | Báo cáo, Đánh giá bài tập, Đánh giá chuyên cần, Đánh giá hoạt động, Đánh giá làm việc nhóm, Đánh giá thuyết trình nhóm, Khoá luận tốt nghiệp, Kiểm tra trắc nghiệm, Kiểm tra viết, Nhật ký thực tập, Thi vấn đáp |
| **PLO4** | Thực hiện thành thạo các hoạt động trước, trong và sau khi tổ chức các sự kiện với những quy mô khác nhau | Báo cáo, Đánh giá bài tập, Đánh giá chuyên cần, Đánh giá hoạt động, Đánh giá làm việc nhóm, Đánh giá thuyết trình nhóm, Kiểm tra viết, Nhật ký thực tập, Thi vấn đáp |
| **PLO5** | Có tư duy sáng tạo, phản biện và ra quyết định một cách khoa học và độc lập trong các dự án nghiên cứu và thực tiễn công việc | Báo cáo, Đánh giá bài tập, Đánh giá chuyên cần, Đánh giá hoạt động, Đánh giá làm việc nhóm, Đánh giá thuyết trình nhóm, Khoá luận tốt nghiệp, Kiểm tra trắc nghiệm, Kiểm tra viết, Nhật ký thực tập, Thi vấn đáp |
| **PLO6** | Giao tiếp tốt trong một môi trường đa dạng và có khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong một môi trường hoạt động đa dạng, đặc biệt là với các bên liên quan trong quá trình tổ chức một sự kiện | Báo cáo, Đánh giá bài tập, Đánh giá chuyên cần, Đánh giá hoạt động, Đánh giá làm việc nhóm, Đánh giá thuyết trình nhóm, Khoá luận tốt nghiệp, Kiểm tra trắc nghiệm, Kiểm tra viết, Nhật ký thực tập, Thi vấn đáp |
| **PLO7** | Sử dụng thông thạo ít nhất một ngoại ngữ (1), đặc biệt trong quá trình tổ chức các sự kiện có tính chất quốc tế | Báo cáo, Đánh giá bài tập, Đánh giá chuyên cần, Đánh giá hoạt động, Đánh giá làm việc nhóm, Đánh giá thuyết trình nhóm, Kiểm tra trắc nghiệm, Nhật ký thực tập, Thi vấn đáp |
| **PLO8** | Sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng ở trình độ nâng cao và các ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong lĩnh vực tổ chức sự kiện | Báo cáo, Đánh giá bài tập, Đánh giá chuyên cần, Đánh giá hoạt động, Đánh giá thuyết trình nhóm, Kiểm tra trắc nghiệm, Kiểm tra viết, Nhật ký thực tập, Thi vấn đáp |
| **PLO9** | Có ý thức tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm với cộng đồng, có đạo đức kinh doanh và tôn trọng văn hoá của doanh nghiệp | Báo cáo, Đánh giá bài tập, Đánh giá chuyên cần, Đánh giá hoạt động, Đánh giá làm việc nhóm, Đánh giá thuyết trình nhóm, Khoá luận tốt nghiệp, Kiểm tra trắc nghiệm, Kiểm tra viết, Nhật ký thực tập, Thi vấn đáp |

* 1. **Khung chương trình đào tạo**
     1. **Cấu trúc chương trình**

Khung chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị sự kiện được cấu trúc thành 5 khối học phần (không bao gồm giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng) cho phép sinh viên đạt được chuẩn đầu ra của chương trình.

***Bảng 2.4 Các khối kiến thức và số tín chỉ tương ứng***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khối kiến thức** | **Số tín chỉ** | | |
| **Tổng**  **cộng** | **Trong đó** | |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** |
| 1 | Khối kiến thức đại cương | 40 | 40 | 0 |
| 2 | Khối kiến thức khối ngành | 21 | 21 | 0 |
| 3 | Khối kiến thức ngành và chuyên  ngành | 73 | 60 | 13 |
| 3.1 | *Khối kiến thức chung của ngành* | 21 | 15 | 6 |
| 3.2 | *Khối kiến thức chuyên ngành* | 42 | 35 | 7 |
| 3.3 | *Thực tập cuối khóa* | 10 | 10 | 0 |
| **Tổng** | | **134** | **121** | **13** |

*Khối kiến thức giáo dục đại cương* cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và những kỹ năng chung cơ bản, là tiền đề cho các học phần của khối ngành và chuyên ngành trong khung chương trình đào tạo về sau, đồng thời, cũng là tiền đề cho việc học tập nâng cao trình độ cho sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học.

*Khối kiến thức chung của khối ngành* giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng chung cơ bản của khối ngành kinh tế và kinh doanh, là tiền đề cho các học phần của ngành và chuyên ngành trong chương trình đào tạo về sau.

*Khối kiến thức ngành* cung cấp người học các nguyên lý, nội dung và kỹ thuật quản trị trong du lịch, hình thành các kỹ năng nghề nghiệp, các kỹ năng sẵn sàng làm việc cho người học, rèn luyện các kỹ năng cơ bản, thái độ làm việc có trách nhiệm và chuyên nghiệp

*Khối kiến thức chuyên ngành* hỗ trợ sinh viên phát triển năng lực chuyên nghiệp (tập trung hơn vào tư duy bậc cao) trong lĩnh vực quản trị sự kiện cả về lý thuyết lẫn thực tiễn.

*Thực tập tốt nghiệp* giúp mở rộng kiến thức thực tế, nâng cao kỹ năng ứng dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề thực tế trong kinh doanh du lịch của một doanh nghiệp, trong phát triển du lịch của một điểm đến, đồng thời cung cấp cơ hội cho người học rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng sẵn sàng làm việc.

* + 1. **Các học phần**

***Bảng 2.5 Các học phần và phân bổ tín chỉ tương ứng***

| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tiết** | | | **Số tín chỉ** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Lý thuyết*** | ***Thực hành*** | ***Tổng*** | ***Số tín chỉ của học phần*** | ***Số tín chỉ học với trường*** | | ***Số tín chỉ học với doanh nghiệp*** | |
| **A. Khối kiến thức đại cương** | | | | | | | |  | |  |
| 1 | SMT1005 | Triết học Mác - Lênin | 34 | 11 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 2 | SMT1006 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 25 | 5 | 30 | 2 | 2 | | 0 | |
| 3 | SMT1007 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 24 | 6 | 30 | 2 | 2 | | 0 | |
| 4 | SMT1008 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 24 | 6 | 30 | 2 | 2 | | 0 | |
| 5 | SMT1004 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 24 | 6 | 30 | 2 | 2 | | 0 | |
| 6 | LAW1001 | Pháp luật đại cương | 21 | 9 | 30 | 2 | 2 | | 0 | |
| 7 | TOU1001 | Giao tiếp trong kinh doanh | 30 | 15 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 8 | MGT1001 | Kinh tế vi mô | 36 | 9 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 9 | ECO1001 | Kinh tế vĩ mô | 35 | 10 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 10 | MGT1002 | Quản trị học | 30 | 15 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 11 | ENG-ELE1 | English Elementary 1 |  | 45 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 12 | ENG-ELE2 | English Elementary 2 |  | 60 | 60 | 4 | 4 | | 0 | |
| 13 |  | English Communication 1 |  |  | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 14 |  | English Communication 2 |  |  | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 15 |  | English Composition B1 |  |  | 30 | 2 | 2 | | 0 | |
|  |  | **Tổng** |  |  |  | **40** | **40** | | **0** | |
| **B. Khối kiến thức khối ngành** | | | | | | | |  | |  |
| 16 | HRM2001 | Hành vi tổ chức | 30 | 15 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 17 | MIS2002 | Hệ thống thông tin quản lý | 30 | 15 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 18 | IBS2001 | Kinh doanh quốc tế | 28 | 17 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 19 | MKT2001 | Marketing căn bản | 34 | 11 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 20 | MGT2002 | Nhập môn kinh doanh | 27 | 18 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 21 | ACC1001 | Nhập môn kế toán | 30 | 15 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 22 | STA2002 | Thống kê kinh doanh và kinh tế | 33 | 12 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
|  |  | **Tổng** |  |  |  | **21** | **21** | | **0** | |
| **C. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành** | | | | | | | |  | |  |
| ***C1. Học phần chung của ngành: 21 tín chỉ gồm 15 tín chỉ bắt buộc và 6 tín chỉ tự chọn***   * *Các học phần bắt buộc* | | | | | | | |  | |  |
| 23 | TOU3008 | Chiến lược kinh doanh du lịch và khách sạn | 26 | 19 | 45 | 3 | 2 | | 1 | |
| 24 | TOU3047 | Lãnh đạo nhóm trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn | 20 | 25 | 45 | 3 | 2 | | 1 | |
| 25 | TOU3002 | Quản trị cung ứng dịch vụ | 18 | 27 | 45 | 3 | 2 | | 1 | |
| 26 | TOU3009 | Quản trị tài chính du lịch và khách sạn | 30 | 15 | 45 | 3 | 2 | | 1 | |
| 27 | TOU3001 | Tổng quan du lịch | 28 | 17 | 45 | 3 | 2 | | 1 | |
|  |  | **Tổng** |  |  |  | **15** | **10** | | **5** | |
| **Các học phần tự chọn**  **Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau** | | | | | | | **3** | | **3** | |
| 28 | ACC2002 | Kế toán quản trị | 20 | 25 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 29 | MGT3011 | Khởi sự kinh doanh | 15 | 30 | 45 | 3 | 2 | | 1 | |
| 30 | IBS3007 | Quản trị đa văn hóa | 30 | 15 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 31 | TOU3048 | Quản trị điểm đến du lịch | 19 | 26 | 45 | 3 | 1 | | 2 | |
| 32 | COM3003 | Quản trị quan hệ khách hàng | 33 | 12 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 33 |  | Tư duy thiết kế và trải nghiệm khách hàng | 17 | 28 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| ***C2. Học phần chuyên ngành: 42 tín chỉ gồm 35 tín chỉ bắt buộc và 7 tín chỉ tự chọn***   * *Các học phần bắt buộc* | | | | | | | |  | |  |
| 34 |  | Các quy định và thủ tục pháp lý trong tổ chức sự kiện | 15 | 15 | 30 | 2 | 0 | | 2 | |
| 35 | MKT3019 | Công cụ truyền thông trực tuyến | 23 | 22 | 45 | 3 | 2 | | 1 | |
| 36 | TOU3023 | Du lịch MICE | 21 | 9 | 30 | 2 | 0 | | 2 | |
| 37 | TOU3034 | Điều phối và tác nghiệp sự kiện | 20 | 10 | 30 | 3 | 0 | | 3 | |
| 38 | TOU3035 | Gây quỹ và tìm tài trợ cho sự kiện | 19 | 26 | 45 | 3 | 2 | | 1 | |
| 39 |  | Kiến tập nghề nghiệp | 5 | 40 | 45 | 3 | 0 | | 3 | |
| 40 | TOU3038 | Marketing sự kiện | 30 | 15 | 45 | 3 | 1 | | 2 | |
| 41 | TOU3039 | Nhập môn quản trị sự kiện | 12 | 18 | 30 | 2 | 2 | | 0 | |
| 42 | TOU3040 | Quản trị dự án sự kiện | 26 | 19 | 45 | 3 | 2 | | 1 | |
| 43 | TOU3041 | Quản trị hậu cần sự kiện | 28 | 17 | 45 | 3 | 2 | | 1 | |
| 44 |  | Quản trị rủi ro sự kiện | 15 | 15 | 30 | 2 | 1 | | 1 | |
| 45 | TOU3043 | Thiết kế và trang trí sự kiện | 30 | 15 | 45 | 3 | 1 | | 2 | |
| 46 | ENG3002 | Tiếng Anh du lịch | 30 | 15 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
|  |  | **Tổng** |  |  |  | **35** | **16** | | **19** | |
| ***Các học phần tự chọn***  ***Chọn ít nhất 7 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau*** | | | | | | | **2** | | **5** | |
| 47 | TOU3036 | Hành vi khách hàng trong lĩnh vực tổ chức sự kiện | 18 | 12 | 30 | 2 | 0 | | 2 | |
| 48 | TOU3037 | Kỹ năng MC và hoạt náo | 15 | 15 | 30 | 2 | 0 | | 2 | |
| 49 | MKT3007 | Marketing kỹ thuật số | 22 | 23 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 50 |  | Marketing qua mạng xã hội và thiết bị di động | 21 | 24 | 45 | 3 | 3 | | 0 | |
| 51 | RMD3001 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 17 | 13 | 30 | 2 | 2 | | 0 | |
| 52 | TOU3046 | Quản trị kinh doanh lữ hành | 30 | 15 | 45 | 3 | 2 | | 1 | |
| 53 |  | Quản trị kinh doanh lưu trú | 19 | 11 | 30 | 2 | 1 | | 1 | |
| 54 |  | Quản trị kinh doanh nhà hàng | 19 | 11 | 30 | 2 | 1 | | 1 | |
| 55 |  | Thiết kế và điều hành chương trình du lịch | 18 | 12 | 30 | 2 | 0 | | 3 | |
| **D. Thực tập tốt nghiệp cuối khóa** | | | | | | **10** | **0** | | **10** | |
| Sinh viên lựa chọn đăng ký Khóa luận tốt nghiệp hoặc Báo cáo thực tập tốt nghiệp với các điều kiện được quy định theo Quy chế đào tạo hiện hành. | | | | | | | |  | |  |
|  |  | **Hình thức 1** |  |  |  |  |  | |  | |
| 56a | TOU4006 | Khóa luận tốt nghiệp |  |  | 15 tuần | 10 |  | |  | |
|  |  | **Hình thức 2** |  |  |  |  |  | |  | |
| 56b | TOU4006 | Báo cáo thực tập tốt nghiệp  Sinh viên chọn học 6 tín chỉ từ các môn tự chọn chuyên ngành |  |  | 15 tuần | 4  6 |  | |  | |
|  |  | **Hình thức 3** |  |  |  |  |  | |  | |
| 56c | TOU4006 | Đề án tốt nghiệp |  |  | 15 tuần | 10 |  | |  | |
|  |  | **Total** |  |  |  | **134** | **92** | | **42** | |

**Lưu ý:**

* + - 1. Kiến tập nghề nghiệp: sinh viên thực tập nghiệp vụ điều phối và tác nghiệp sự kiện tại một công ty tổ chức sự kiện hoặc tại bộ phận tổ chức sự kiện của 1 khách sạn hoặc bộ phận sự kiện của một công ty du lịch trong thời gian ít nhất là 3 tháng và tham gia điều phối ít nhất là 2 sự kiện trong khoảng thời gian thực tập.
      2. Thực tập tốt nghiệp: Sinh viên phải hoàn thành tất các các học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành. Có các hình thức là Báo cáo thực tập tốt nghiệp, Đề án tốt nghiệp và Khoá luận. Các hình thức Đề án tốt nghiệp và Khoá luận đều có số tín chỉ là 10, Báo cáo thực tập tốt nghiệp là 4 tín chỉ và sinh viên phải chọn học 6 tín chỉ tự chọn trong các học phần tự chọn chuyên ngành. Sinh viên muốn làm Khoá luận thì phải có điểm trung bình tích luỹ đạt mức quy định (để được làm khoá luận) và phải học học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học.
      3. Hoạt động thực tế: (i) Trải nghiệm ít nhất 2 sự kiện với tư cách là khách hàng (sự kiện thể thao, du lịch, văn hoá ở cấp thành phố trở lên, và hội thảo cấp quốc gia trở lên) và có minh chứng (ii) tham gia ít nhất 1 hoạt động định hướng nghề do 1 doanh nghiệp du lịch hoặc 1 doanh nghiệp sự kiện hoặc một cơ quan quản lý nhà nước về du lịch hoặc một hiệp hội nghề nghiệp tổ chức và có xác nhận.
  1. **Hoạt động ngoại khoá**

Chương trình đào tạo của Khoa có các hoạt động ngoại khóa đa dạng tương ứng với các tiêu chuẩn đầu ra để hỗ trợ sinh viên xây dựng và phát triển các kỹ năng và thái độ.

Có rất nhiều hoạt động ngoại khoá cho sinh viên chuyên ngành Quản trị sự kiện tham gia như định hướng nghề được tổ chức bởi trường Đại học Kinh tế và Sở Lao động-Thương Binh-Xã hội thành phố Đà nẵng, Ngày hội hiến máu nhân đạo, các chiến dịch tình nguyện đông, tình nguyện hè, các khoá huấn luyện kỹ năng mềm, các hoạt động thể thao, hoạt động của câu lạc bộ Du lịch và nhiều câu lạc bộ khác. Sinh viên phải đạt 50 điểm sinh hoạt ngoại khoá mới được tốt nghiệp.

* 1. **Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR) và các học phần**

***Bảng 2.6 Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR) và các học phần***

| **STT** | **Mã học phần** | **Học phần** | **Số tín chỉ** | **Chuẩn đầu ra chương trình** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 |
| KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG | | | | | | | | | | | | |
| 1 | SMT1005 | Triết học Mác - Lênin | 3 | X |  |  |  |  | X |  |  | X |
| 2 | SMT1006 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | SMT1007 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | X |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | SMT1008 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | X |  |  |  |  |  |  |  | X |
| 5 | SMT1004 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | X |  |  |  |  |  |  |  | X |
| 6 | LAW1001 | Pháp luật đại cương | 2 | X |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 7 | TOU1001 | Giao tiếp trong kinh doanh | 3 |  |  |  |  | X | X |  |  | X |
| 8 | MGT1001 | Kinh tế vi mô | 3 | X |  |  |  | X |  |  |  |  |
| 9 | ECO 1001 | Kinh tế vĩ mô | 3 | X |  |  |  | X |  |  |  | X |
| 10 | MGT1002 | Quản trị học | 3 | X | X |  |  | X | X |  |  | X |
| 11 | ENG-ELE1 | English Elementary 1 | 3 |  |  |  |  |  |  | X |  |  |
| 12 | ENG-ELE2 | English Elementary 2 | 4 |  |  |  |  |  |  | X |  |  |
| 13 |  | English Communication 1 | 3 |  |  |  |  |  |  | X |  |  |
| 14 |  | English Communication 2 | 3 |  |  |  |  |  |  | X |  |  |
| 15 |  | English Composition B1 | 2 |  |  |  |  |  |  | X |  |  |
| KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH | | | | | | | | | | | | |
| 16 | HRM2001 | Hành vi tổ chức | 3 | X | X |  |  |  | X |  |  | X |
| 17 | MIS2002 | Hệ thống thông tin quản lý | 3 |  | X |  |  | X | X |  | X |  |
| 18 | IBS2001 | Kinh doanh quốc tế | 3 | X | X |  |  |  | X |  |  |  |
| 19 | MKT2001 | Marketing căn bản | 3 | X | X | X |  |  | X |  |  |  |
| 20 | MGT2002 | Nhập môn kinh doanh | 3 | X | X | X |  |  | X |  |  |  |
| 21 | ACC1001 | Nhập môn kế toán | 3 |  | X |  |  |  |  |  |  | X |
| 22 | STA2002 | Thống kê kinh doanh và kinh tế | 3 | X |  |  |  | X | X |  | X |  |
| KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH | | | | | | | | | | | | |
| 23 | TOU3008 | Chiến lược kinh doanh du lịch và khách sạn | 3 |  | X | X |  | X |  |  |  | X |
| 24 | TOU3047 | Lãnh đạo nhóm trong doanh nghiệp du lịch và khách sạn | 3 |  | X | X |  |  | X |  |  |  |
| 25 | TOU3002 | Quản trị cung ứng dịch vụ | 3 |  | X | X |  | X | X |  |  | X |
| 26 | TOU3009 | Quản trị tài chính du lịch và khách sạn | 3 |  | X | X |  |  | X |  |  | X |
| 27 | TOU3001 | Tổng quan du lịch | 3 | X | X | X |  | X |  |  |  | X |
| 28 | ACC2002 | Kế toán quản trị | 3 |  | X | X |  | X |  |  |  |  |
| 29 | MGT3011 | Khởi sự kinh doanh | 3 | X |  | X |  |  |  |  |  | X |
| 30 | IBS3007 | Quản trị đa văn hóa | 3 | X |  | X |  |  | X |  |  |  |
| 31 | TOU3048 | Quản trị điểm đến du lịch | 3 | X |  | X |  | X |  |  |  | X |
| 32 | COM3003 | Quản trị quan hệ khách hàng | 3 |  | X | X |  | X |  |  |  | X |
| 33 |  | Tư duy thiết kế và trải nghiệm khách hàng | 3 |  | X | X |  | X | X |  |  |  |
| KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH | | | | | | | | | | | | |
| 34 |  | Các quy định và thủ tục pháp lý trong tổ chức sự kiện | 2 | X | X |  |  | X |  |  |  | X |
| 35 | MKT3019 | Công cụ truyền thông trực tuyến | 3 |  | X | X |  | X | X |  | X |  |
| 36 | TOU3023 | Du lịch MICE | 2 |  | X | X |  | X | X |  |  |  |
| 37 | TOU3034 | Điều phối và tác nghiệp sự kiện | 3 |  | X |  | X | X | X |  | X |  |
| 38 | TOU3035 | Gây quỹ và tìm tài trợ cho sự kiện | 3 |  | X | X | X | X | X |  |  |  |
| 39 |  | Kiến tập nghề nghiệp | 3 |  |  |  | X |  | X |  |  | X |
| 40 | TOU3038 | Marketing sự kiện | 3 |  | X | X |  | X | X |  |  |  |
| 41 | TOU3039 | Nhập môn quản trị sự kiện | 2 |  | X | X |  | X | X |  |  |  |
| 42 | TOU3040 | Quản trị dự án sự kiện | 3 |  | X | X |  | X | X |  |  |  |
| 43 | TOU3041 | Quản trị hậu cần sự kiện | 3 |  | X | X |  | X | X |  |  |  |
| 44 |  | Quản trị rủi ro sự kiện | 2 |  | X | X |  | X | X |  |  |  |
| 45 | TOU3043 | Thiết kế và trang trí sự kiện | 3 |  |  |  | X | X | X |  |  |  |
| 46 | ENG3002 | Tiếng Anh du lịch | 3 |  |  |  |  |  |  | X |  | X |
| 47 | TOU3036 | Hành vi khách hàng trong lĩnh vực tổ chức sự kiện | 2 |  | X | X | X | X |  |  |  |  |
| 48 | TOU3037 | Kỹ năng MC và hoạt náo | 2 |  |  |  | X |  | X |  |  |  |
| 49 | MKT3007 | Marketing kỹ thuật số | 3 |  | X | X |  |  |  |  | X |  |
| 50 |  | Marketing qua mạng xã hội và thiết bị di động | 3 |  | X | X |  |  | X |  | X |  |
| 51 | RMD3001 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 |  |  | X |  | X |  |  | X |  |
| 52 | TOU3046 | Quản trị kinh doanh lữ hành | 3 |  | X | X |  | X | X |  |  |  |
| 53 |  | Quản trị kinh doanh lưu trú | 2 |  | X | X |  | X | X |  |  |  |
| 54 |  | Quản trị kinh doanh nhà hàng | 2 |  | X | X | X |  | X |  |  | X |
| 55 |  | Thiết kế và điều hành chương trình du lịch | 2 |  |  |  | X | X | X |  |  |  |
| 56a | TOU4006 | **Phương án 1**- Khoá luận tốt nghiệp | 10 | X | X | X |  | X | X |  | X | X |
| 56b | TOU4006 | **Phương án 2**- Báo cáo thực tập tốt nghiệp | 10 |  | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 56c | TOU4006 | **Phương án 3 -** Đề án tốt nghiệp | 10 |  | X | X | X | X | X | X | X | X |

N

**2.12. Lộ trình đào tạo**

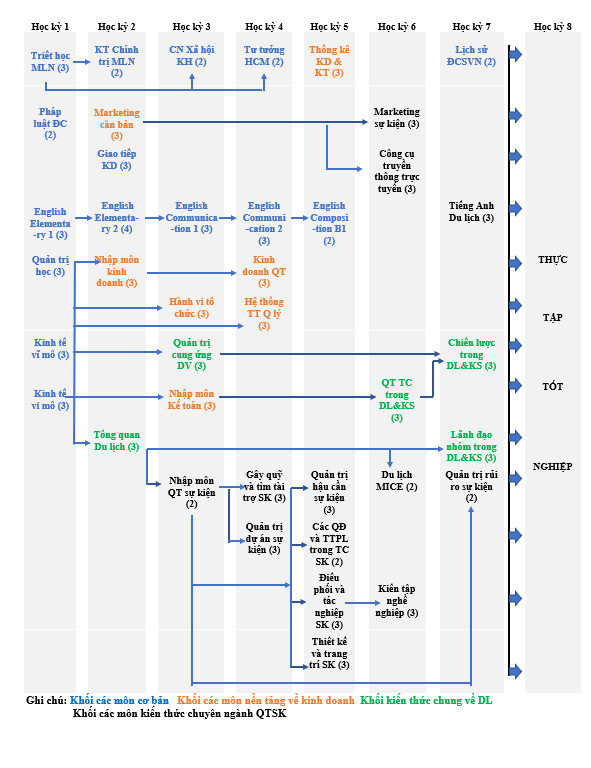
***Bảng 2.7 Lịch trình đào tạo chuyên ngành Quản trị Sự kiện (các học phần bắt buộc)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học kì 1** | **Học kì 2** | **Học kì 3** | **Học kì 4** | **Học kì 5** | **Học kì 6\*** | **Học kì 7** | **Học kỳ 8** |
| SMT1005 Triết học Mác – Lê nin (3) | SMT1006 Kinh  tế chính trị Mác  – Lê nin (2) | SMT1007 Chủ  nghĩa XHKH (2) | SMT1004 Tư  tưởng Hồ Chí Minh (2) | STA2002 Thống kê kinh doanh và kinh tế (3) | TOU3037  Marketing sự kiện (3) | SMT1008 Lịch  sử Đảng (2) | **TOU4006**  **THỰC**  **TẬP**  **TỐT**  **NGHIỆP** |
| LAW1001 Pháp  luật đại cương (2) | MKT2001  Marketing căn bản (3) | HRM2001 Hành vi tổ chức (3) | MIS2002 Hệ  thống thông tin quản lí (3) | TOU3040 Quản  trị hậu cần sự kiện (3) | Công cụ truyền thông trực tuyến (3) | ENG3002 Tiếng Anh du lịch (3) |
| English Elementary 1(3) | English Elementary 2 (4) | English Communication1 (3) | English Communication 2(3) | English Composition B1 (2) | TOU3009 Quản  trị tài chính du lịch (3) | TOU3008 Chiến lược trong DL & KS (3) |
| MGT1002 Quản  trị học (3) | TOU1001 Giao  tiếp kinh doanh (3) | TOU3002 Quản  trị cung ứng dịch vụ (3) | IBS2001 Kinh  doanh quốc tế (3) | TOU3032 Các  quy định và thủ tục pháp lý trong tổ chức sự kiện (2) | TOU3023 Du  lịch MICE (2) | TOU3004 Lãnh  đạo nhóm trong DN du lịch và  KS (3) |
| ECO1001 Kinh  tế vĩ mô (3) | MGT2002 Nhập  môn kinh doanh (3) | ACC1001 Nhập  môn kế toán (3) | TOU3035 Gây quỹ và tìm tài trợ cho sự kiện (3) | TOU3033 Điều  phối và tác nghiệp sự kiện (3) | Kiến tập nghề nghiệp (3) | TOU Quản trị rủi ro sự kiện (2) |
| MGT1001 Kinh  tế vi mô (3) | TOU3001 Tổng  quan du lịch (3) | TOU3039  Nhập môn quản trị sự kiện (2) | TOU3040 Quản  trị dự án sự kiện (3) | TOU3042 Thiết kế và trang trí sự kiện (3) |  |  |

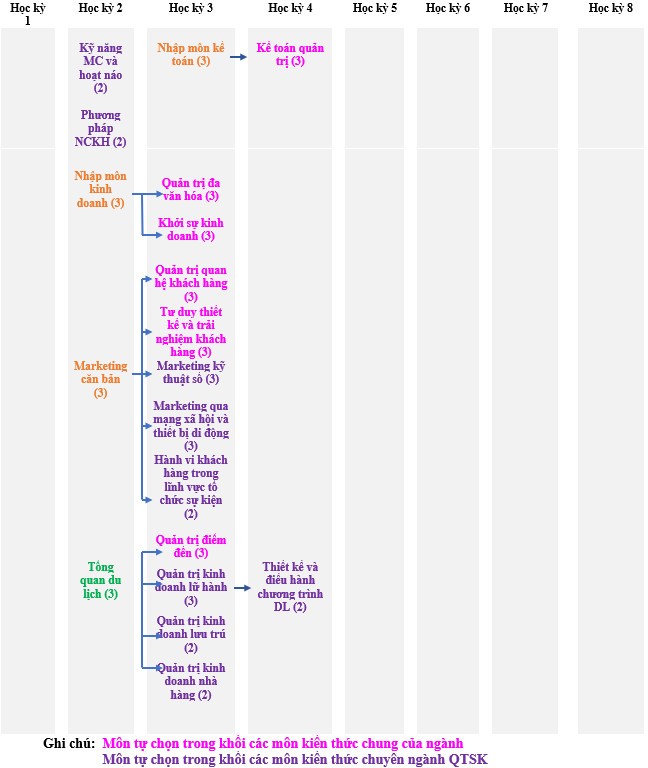
\* **Học kỳ 6 kéo dài 13 tuần (10 tuần học + 1 tuần dự trữ + 2 tuần thi) và sinh viên học môn Kiến tập nghề nghiệp trong hè**

***Bảng 2.8 Thời điểm sớm nhất có thể chọn các học phần tự chọn (Ngành Quản trị Sự kiện)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học kì 1** | **Học kì 2** | **Học kì 3** | **Học kì 4** | **Học kì 5** | **Học kì 6** | **Học kì 7** | **Học kì 8** |
|  | TOU3037 Kỹ năng MC và hoạt náo (2) | MGT3011 Khởi sự kinh doanh (3) | ACC2002 Kế toán quản trị (3) |  |  |  |  |
|  | RMD3001 Phương  pháp nghiên cứu khoa học(2) | IBS3007 Quản trị đa văn hóa (3) |  |  |  |  |  |
|  |  | TOU3015 Quản trị điểm đến (3) |  |  |  |  |  |
|  |  | COM3003 Quản trị quan hệ KH(3) |  |  |  |  |  |
|  |  | Tư duy thiết kế và trải nghiệm KH (3) |  |  |  |  |  |
|  |  | MKT3007 Marketing kỹ thuật số (3) |  |  |  |  |  |
|  |  | Marketing qua mạng xã hội và thiết bị di động (3) |  |  |  |  |  |
|  |  | TOU3036 Hành vi KH trong lĩnh vực tổ chức sự kiện (2) |  |  |  |  |  |
|  |  | TOU3046 Quản trị KD lữ hành (3) | Thiết kế và điều hành chương trình du lịch  (2) |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị kinh doanh lưu trú (2) |  |  |  |  |  |
|  |  | Quản trị kinh doanh nhà hàng (2) |  |  |  |  |  |



*Hình 2.1 Lộ trình học các học phần bắt buộc*



*Hình 2.2 Lộ trình học dự kiến các học phần tự chọn*

* 1. **Đối sánh với một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học phần ngành và chuyên ngành**  **Chương**  **trình đào tạo** | Chiến lược kinh doanh du lịch và khách sạn | Lãnh đạo nhóm trong doanh nghiệp du lịch và | Quản trị cung ứng dịch vụ | Quản trị tài chính du lịch và khách sạn | Tổng quan du lịch | Các quy định và thủ tục pháp lý trong tổ chức | Công cụ truyền thông trực tuyến | Du lịch MICE | Điều phối và tác nghiệp sự kiện | Gây quỹ và tìm tài trợ cho sự kiện | Kiến tập nghề nghiệp | Marketing sự kiện | Nhập môn quản trị sự kiện | Quản trị dự án sự kiện | Quản trị hậu cần sự kiện | Quản trị rủi ro sự kiện | Thiết kế và trang trí sự kiện | Tiếng Anh du lịch | Hành vi khách hàng trong lĩnh vực tổ chức sự | Kỹ năng MC và hoạt náo | Marketing kỹ thuật số | Marketing qua mạng xã hội và thiết bị di động | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Quản trị kinh doanh lữ hành | Quản trị kinh doanh lưu trú | Quản trị kinh điểm đến | Thiết kế và điều hành chương trình du lịch | Quản trị quan hệ khách hàng | Tư duy thiết kế và trải nghiệm khách hàng | Marketing căn bản |
| Chương trình 1 |  |  |  |  | X |  | C |  |  |  | X | X | X | X | C | X | C |  | X |  | C | C |  |  |  |  |  | X | X | C |
| Chương trình 2 |  |  |  |  | X |  |  | X |  |  |  | C | C |  |  |  |  |  | C |  |  |  | C | X | C | X | X |  |  | X |
| Chương trình 3 | X |  |  |  | X | C |  |  |  |  |  | C |  | X | C | C |  |  |  |  |  |  |  |  | X | X |  |  | C |  |

C (Close): Học phần có nội dung gần X: Học phần có nội dung tương thích

*(Chi tiết của các chương trình đào tạo đối sánh được đính kèm)*

### Chương trình 1: Chương trình Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

ueh.edu.vn/dao-tao/dai-hoc-chinh-quy/cu-nhan-chinh-quy-chuan/quan-tri-su-kien-va-dich-vu-giai-tri/ **Chương trình 2 : Chương trình Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Đại học Hà Nội** https://[www.hanu.vn/c/7924/Quan-tri-Dich-vu-Du-lich-va-Lu-hanh](http://www.hanu.vn/c/7924/Quan-tri-Dich-vu-Du-lich-va-Lu-hanh)

**Chương trình 3: Tourism, Hospitality and Event Management - The University of Queensland, Australia**

https://my.uq.edu.au/programs-courses/requirements/program/2474/2022

29

* 1. **Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Chương trình này được soạn thảo cho khoá tuyển sinh 2021 và được soạn thảo dựa trên yêu cầu của các bên liên quan và đã được thực hiện một cách cẩn trọng. Tất cả các khối học phần đều được đưa vào chương trình một cách hợp lý và tương thích với chuẩn đầu ra.

Quá trình giảng dạy được thiết kế dựa trên cấu trúc của chương trình, ý kiến đóng góp từ các giảng viên trong Khoa và các yêu cầu cụ thể cho từng học phần. Đối với các môn học tự chọn, Khoa hướng dẫn sinh viên chọn các Mô-đun phù hợp nhất để thích ứng với các điều kiện thực tế và các yêu cầu xã hội.

Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn quá trình xây dựng và phát triển các đề cương chi tiết học phần để phù hợp với mục tiêu, nội dung, tiêu chuẩn nhập học và nhu cầu của sinh viên và xã hội.

Cấu trúc chương trình luôn được xem xét và cập nhật hàng năm để phù hợp với những thay đổi. Cứ sau 2 năm, bản mô tả chương trình đào tạo được xem xét và có thể có những thay đổi cho phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

**PHẦN 3. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN**

### **3.1. STM1005 - TRIẾT HỌC MAC-LENIN (MARXITS-LENINIST PHILOSOPHY)**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: Không**

Học phần gồm 3 chương, ngoài phần giới thiệu vấn đề chung của triết học, học phần chủ yếu cung cấp những kiến thức cơ bản về Triết học Mác-Lênin: điều kiện ra đời, khái niệm; vật chất và ý thức; các nguyên lý, quy luật, cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật; Lý luận nhận thức; Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và đấu tranh giai cấp; nhà nước và cách mạng; tồn tại xã hội và ý thức xã hội; con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân.

### **3.2. SMT1006 - KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LENIN (POLITICAL ECONOMICS OF MARXISM – LENINISM)**

**Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: SMT1005 - Triết học Mác-Lênin**

Học phần được kết cấu thành 2 phần chính:

Một là, nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền.

Hai là, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

### **3.3. SMT1007 - CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (SCIENTIFIC SOCIALISM)**

**Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: SMT1005 - Triết học Mác - Lênin**

Học phần được kết cấu thành hai phần chính:

- Một là, nghiên cứu những vấn đề cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Hai là, nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

### **3.4. SMT1008 - LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (HISTORY OF VIETNAMESE COMMUNIST PARTY)**

**Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: Không**

Ngoài chương nhập môn và kết luận, học phần có 3 chương đề cập đến những tri thức khoa học về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Một số bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. Qua đó, khẳng định những thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.

### **3.5. SMT1004 - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (HO CHI MINH’S IDEOLOGY)**

### **Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: SMT1005 - Triết học Mác-Lênin**

### Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn khoa học cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH; …. Trên cơ sở đó góp phần giúp sinh viên hình thành lập trường khoa học và cách mạng, kiên định con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

### **3.6. LAW1001 - PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (GENERAL LAW)**

### **Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: Không**

### Học phần Pháp luật đại cương được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Những vấn đề lí luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, Bộ máy nhà nước, Quy phạm pháp luật và Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật, Hệ thống pháp luật, Ý thức pháp luật, Pháp chế xã hội chủ nghĩa, Pháp luật về phòng chống tham nhũng.

### **3.7. TOU1001 - GIAO TIẾP KINH DOANH (BUSINESS COMMUNICATION)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: Không**

### Học phần được thiết kế nhằm hướng đến

### Thứ nhất: cung cấp những kiến thức nền tảng căn bản của nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh.

### Thứ hai: cung cấp các nguyên tắc và hướng dẫn vận dụng các kỹ năng cơ bản của giao tiếp để người học có khả năng thực hành giao tiếp trong kinh doanh một cách hiệu quả, có đạo đức và đúng pháp luật.

### Thứ ba: cung cấp các nguyên tắc và hướng dẫn vận dụng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc: từ khi phỏng vấn cho đến khi hoà nhập vào môi trường làm việc

### Học phần gồm 8 chương. Mỗi một chương đều có đầy đủ các phần: Mục tiêu chương, nội dung chương, tình huống thực tế, bài tập tình huống, tóm tắt chương và câu hỏi ôn tập.

### **3.8. MGT1001 - KINH TẾ VI MÔ (MICROECONOMICS)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: Không**

### Môn học này phân tích hành vi của các tác nhân kinh tế khi tham gia vào thị trường. Người học sẽ nghiên cứu cầu thị trường và hành vi của người tiêu dùng; cung thị trường và hành vi của người bán cùng với các quyết định về giá và sản lượng sản xuất khi doanh nghiệp tham gia trong các hình thái thị trường với mức độ cạnh tranh khác nhau. Môn học cũng phân tích hành vi can thiệp của nhà nước vào thị trường và sự ảnh hưởng của những can thiệp này lên người mua, người bán cũng như tổng thể thị trường.

### **3.9. ECO1001 - KINH TẾ VĨ MÔ (MACROECONOMICS)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

### **Học phần học trước: Không**

Học phần Kinh tế học vĩ mô cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận hành của nền kinh tế thị trường trong môi trường toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, giúp sinh viên hiểu được các biến số vĩ mô chủ yếu, cơ chế hoạt động của các thị trường, cách thức xã hội sử dụng các nguồn lực khan hiếm trong quá trình sản xuất và phân phối nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của con người; từ đó có thể lý giải về các biến động kinh tế cũng như tác động của các chính sách của chính phủ đối với nền kinh tế.

### **3.10. MGT1002 - QUẢN TRỊ HỌC (MANAGEMENT)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: Không**

### Nhà quản trị ở bất kỳ tổ chức nào (kinh doanh, phi kinh doanh) và ở bất cứ lĩnh vực chức năng nào (nguồn nhân lực, sản xuất, tài chính, marketing…) đều thực thi hoạt động quản trị thông qua tiến trình, bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra*.* Học phần này cung cấp kiến thức để người học hiểu rõ công việc nhà quản trị thực hiện tiến trình quản trị để đạt mục tiêu một cách hữu hiệu và hiệu quả trong bối cảnh môi trường mà nó hoạt động.

### **3.11. ENG-ELE 1 - ENGLISH ELEMENTARY 1**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước:** Không

Học phần này được thiết kế tích hợp giữa 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết và các bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Luyện âm. Nội dung học phần được trình bày trong 5 bài học (5 units), mỗi unit gồm các bài học nhỏ (lessons) về các kỹ năng sử dụng từ vựng và nghe hiểu (với các dạng bài tập trắc nghiệm, hoàn thành câu/ sơ đồ/ bảng biểu); kĩ năng đọc hiểu (với các dạng trắc nghiệm, nối thông tin, trả lời ngắn, hoàn thành sơ đồ); kỹ năng thảo luận, trình bày quan điểm cá nhân trong những tình huống cụ thể; kĩ năng viết (với các bài tập ngữ pháp và viết như hoàn thành câu, viết câu, viết đoạn văn ngắn về cá nhân, viết quảng cáo ngắn, viết email ngắn, mô tả một địa điểm ưa thích, viết các chỉ dẫn, hướng dẫn…) ở mức độ bậc 1 trong cấp độ sơ cấp. Sau mỗi bài học, sinh viên được luyện tập, thực hành với các tài liệu cho hình thức học trực tiếp và nguồn tài nguyên thực hành trực tuyến. Học phần này giúp sinh viên có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật, các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Sinh viên có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời thông tin về bản thân như nơi sinh sống, gia đình và bạn bè. Sinh viên có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng

**3.12. ENG-ELE 2 - ENGLISH ELEMENTARY 2**

**Số tín chỉ: 4 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước:** ENG-ELE 1 - English elementary 1

Học phần này được thiết kế tích hợp giữa 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết và các bài tập Ngữ pháp, Từ vựng, Luyện âm. Nội dung học phần được trình bày trong 6 bài học (6 units), mỗi unit gồm các bài học về các kỹ năng sử dụng từ vựng; kĩ năng nghe hiểu (nghe hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản với các dạng bài tập trắc nghiệm, hoàn thành câu/ sơ đồ/ bảng biểu); kĩ năng đọc hiểu (đọc hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản với dạng bài tập trắc nghiệm, nối thông tin, trả lời ngắn); kỹ năng nói (rao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu); kĩ năng viết (với các dạng bài tập ngữ pháp và viết (hoàn thành câu, viết câu, viết đoạn văn ngắn về gia đình, điều kiện sống, ghi chú, email, một tin nhắn cảm ơn, biết cách viết một blog cá nhân về du lịch, tin nhắn qua mạng, bình luận về một số chủ đề: học tập, giải trí, ngoại hình, thời trang…) Sau mỗi bài học, sinh viên được luyện tập, thực hành với các tài liệu cho hình thức học trực tiếp và nguồn tài nguyên thực hành trực tuyến.

**3.13. ENGLISH COMMUNICATION 1**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: ENG-ELE 2 - English Elementary 2**

Môn học này tích hợp các kỹ năng Nghe Nói Đọc tiếng Anh nhằm cung cấp cho người học cơ hội phát triển năng lực tiếng Anh ở trình độ B1 theo khung chuẩn năng lực ngoại ngữ của châu Âu. Giáo trình chính sử dụng cho môn học có nguồn ngữ liệu xác thực, đa dạng về chủ đề và bao gồm nhiều hoạt đông giao tiếp phong phú. Do vậy, sinh viên được trang bị nhiều phương tiện ngôn ngữ tiếng Anh để giao tiếp, diễn đạt ý tưởng ở nhiều chủ đề khác nhau và nâng cao kỹ năng hợp tác, tư duy sáng tạo. Đặc biệt, môn học này còn tập trung giúp người học biết cách sử dụng và luyện tập thuần thục các kỹ thuật, chiến lược cơ bản trong kỹ năng thuyết trình. Nhờ vậy, người học có thể phát triển sự tự tin và lưu loát diễn đạt ý tưởng của mình trước đám đông..

**3.14. ENGLISH COMMUNICATION 2**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: English Communication 1**

Học phần này tích hợp các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nhằm trang bị cho người học nền tảng và kĩ năng ngôn ngữ ở trình độ B1 theo khung chuẩn năng lực ngoại ngữ của châu Âu. Trong đó, dựa vào các nguồn tư liệu hiện đại và sát với tình hình kinh tế - xã hội, sinh viên sẽ xây dựng được năng lực ngôn ngữ và phát triển những kĩ năng ngôn ngữ được ứng dụng trong các tình huống xã hội thực tế để đưa ra ý kiến cá nhân cũng như phát triển khả năng biện luận. Bên cạnh đó, kĩ năng thuyết trình cũng được bổ sung vào học phần này nhằm giúp sinh viên có thể tự tin trình bày ý tưởng của mình một cách lưu loát bằng tiếng Anh

**3.15. ENGLISH COMPOSITION B1**

**Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước:** English Communication 1

Học phần gồm 11 đơn vị bài học được xây dựng với thời lượng 2 tiết/1đơn vị bài học nhằm mục đích giúp người học hệ thống lại các dạng bài tập thường gặp trong một bài thi Viết cấp độ B1 khung Châu Âu. Mỗi đơn vị bài học gồm phần hướng dẫn kỹ thuật làm bài kèm các bài tập thực hành, củng cố tại lớp và phần đề xuất tài liệu tự học thêm ngoài giờ học ở lớp.

### **3.16. HRM2001 - HÀNH VI TỔ CHỨC (ORGANIZATIONAL BEHAVIOR)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: MGT1002 - Quản trị học**

Học phần Hành vi tổ chức được thiết kế 8 chương; Ngoài chương tổng quan, chương 2đến chương 4 đề cập đến hành vi của cá nhân trong tổ chức gồm thái độ, sự thoả mãn trong công việc, tính cách và giá trị, nhận thức và việc ra quyết định của cá nhân; Chương 5 xem xét vấn đề động lực và tạo động lực; Chương 6 bàn đến nhóm và hành vi cá nhân trong nhóm; Chương 7 và 8 bàn về giao tiếp trong tổ chức và văn hóa tổ chức.

Học phần thiết kế nhằm giúp người học: nhận biết và phát hiện được hành vi của cá nhân, hành vi nhóm; Biết sử dụng các kiến thức đã học để đánh giá đặc điểm, quản lý các hành vi của bản thân; Xây dựng mối quan hệ như gắn kết, tạo động cơ, đồng cảm, chia sẻ trong nhóm qua đó tạo dựng các mối quan hệ của bản thân với đồng nghiệp, các nhà quản lý, cấp dưới và với khách hàng; Tham gia tích cực và hiệu quả vào hoạt động của tổ chức, có khả năng xử lý các mối quan hệ trong tổ chức một cách chuyên nghiệp, tôn trọng người khác và ra quyết định phù hợp với đạo lý.

### **3.17. MIS2002 - HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: MGT1002 - Quản trị học**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, các loại hệ thống thông tin trong doanh nghiệp; các phương pháp xây dựng và quy trình triển khai dự án phát triển hệ thống thông tin trong doanh nghiệp. Qua đó, giúp sinh viên nhận thức được bản chất, vai trò, giá trị của hệ thống thông tin trong việc quản lý quy trình kinh doanh và hỗ trợ ra quyết định cho doanh nghiệp trong thời đại công nghệ 4.0.

### **3.18. IBS2001 - KINH DOANH QUỐC TẾ (INTERNATIONAL BUSINESS)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: MGT2002 - Nhập môn Kinh doanh**

Các nhà quản lý và doanh nghiệp khi kinh doanh quốc tế sẽ đối mặt với sự khác biệt về kinh tế chính trị và văn hóa. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh quốc tế sẽ đối mặt với chính sách phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài của nước sở tại trong thương mại và đầu tư. Môn học này sẽ cung cấp cho người học kiến thức về sự khác biệt giữa các quốc gia, động cơ và nội dung của các chính sách thương mại và đầu tư quốc tế và cách thức mà các doanh nghiệp giải quyết các cơ hội và thách thức này.

### **3.19. MKT2001 - MARKETING CĂN BẢN (PRINCIPLES OF MARKETING)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: Không**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về marketing và các nguyên lý thực hành marketing trong môi trường kinh doanh hiện đại. Môn học tập trung vào một số vấn đề căn bản của marketing gồm:

Khái niệm marketing và các khái niệm liên quan nhu cầu khách hàng, thị trường

Phân tích cơ hội thị trường: môi trường marketing, phân tích cạnh tranh, phân tích thị trường, nhu cầu và hành vi khách hàng

Các hoạt động marketing trong doanh nghiệp: chiến lược marketing, phát triển sản phẩm, định giá, phân phối, bán hàng, quảng cáo và khuyến mãi.

### **3.20. MGT2002 - NHẬP MÔN KINH DOANH (INTRODUCTION TO BUSINESS)**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: MGT1002 - Quản trị học**

Nhập môn kinh doanh là học phần được xây dựng nhằm cung cấp cho người học những khái niệm, nội dung cơ bản về cách thức hình thành và quản lý một doanh nghiệp. Đối với sinh viên thuộc các ngành kinh doanh, học phần nhập môn kinh doanh cung cấp những khái niệm cơ bản đầu tiên, tạo nền tảng kiến thức để sinh viên tiếp tục học các môn học về quản trị và kinh doanh chuyên sâu. Đối với sinh viên không thuộc các ngành kinh doanh, học phần nhập môn kinh doanh cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng cơ bản về kinh doanh, để cho dù tốt nghiệp bất cứ ngành nào, lĩnh vực nào, người học cũng có đủ kiến thức cơ bản để khởi nghiệp và quản lý một tổ chức kinh doanh nhỏ.

**3.21. ACC1001 - NHẬP MÔN KẾ TOÁN (INTRODUCTION TO ACCOUNTING)**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: MGT1001 - Kinh tế vi mô**

### Kế toán nhằm cung cấp thông tin tài chính phục vụ cho việc ra quyết định của tổ chức. Hiểu biết và áp dụng những kiến thức căn bản của kế toán tổ chức không chỉ có ý nghĩa đối với người học mà cho các bên có liên quan. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ghi nhận và trình bày thông tin kế toán. Học phần nhấn mạnh đến các bước cơ bản của quy trình kế toán, từ nhận diện và ghi nhận giao dịch kinh doanh đến tổng hợp và báo cáo thông tin trong báo cáo tài chính.

### **3.22. STA2002 - THỐNG KÊ KINH DOANH VÀ KINH TẾ (STATISTICS FOR BUSINESS AND ECONOMICS)**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: Không**

Học phần cung cấp một cách có hệ thống kiến thức và kỹ năng về việc ứng dụng các phương pháp thống kê nhằm thu thập, tổ chức, trình bày, phân tích và diễn giải dữ liệu về các hiện tượng kinh tế và kinh doanh. Các chủ đề của học phần bao gồm: giới thiệu các ứng dụng của thống kê và các thuật ngữ chuyên môn; mô tả dữ liệu chéo; biến ngẫu nhiên và phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên; lấy mẫu và ước lượng các tham số của tổng thể từ dữ liệu mẫu; kiểm định các giả thuyết về tổng thể; phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng, phân tích dữ liệu thời gian và dự đoán, phương pháp tính các chỉ số, phân tích phương sai trên các mô hình thiết kế thực nghiệm.

### **3.23. TOU3008 CHIẾN LƯỢC KINH DOANH DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN (STRATEGY IN HOSPITALITY AND TOURISM)**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: TOU3009 - Quản trị tài chính du lịch và khách sạn.**

### **TOU3002 - Quản trị cung ứng dịch vụ.**

Học phần giúp người học quan với tư duy chiến lược ở tất cả các cấp quản trị, quy trình hoạch định chiến lược cho một doanh nghiệp hoạt động trong một ngành công nghiệp phức tạp và hay thay đổi như ngành du lịch và khách sạn. Học phần cũng rèn luyện người học tư duy kiến lược, các kỹ năn g phân tích và tổng hợp để xây dựng, thực thi và kiểm tra việc thực thi các chiến lược kinh doanh.

### **3.24. TOU3004 LÃNH ĐẠO NHÓM TRONG DOANH NGHIỆP DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN (SUPERVISION IN THE HOSPITALITY INDUSTRY)**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: TOU3001 - Tổng quan du lịch**

### Học phần này nhằm cung cấp người học kiến thức về vai trò và vị trí của người lãnh đạo nhóm trong các doanh nghiệp du lịch và khách sạn cũng như trách nhiệm họ phải thực hiện với tư cách là một lãnh đạo nhóm. Học phần cũng đào tạo sinh viên cách tổ chức và thực thi nhiệm vụ của một lãnh đạo nhóm, kiến thức và kỹ năng cần thiết về các công cụ để thực hiện sự lãnh đạo nhóm và cải thiện hiệu suất làm việc.

### **3.25. TOU3002 QUẢN TRỊ CUNG ỨNG DỊCH VỤ (SERVICE OPERATION MANAGEMENT)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: MGT1002 - Quản trị học**

Học phần được xây dựng nhằm:

Thứ nhất, cung cấp những kiến thức nền tảng về dịch vụ và đặc thù của dịch vụ.

Thứ hai, cung cấp các nguyên tắc và nội dung cơ bản về các khía cạnh quản trị khác nhau của quá trình tổ chức cung ứng dịch vụ.

Thứ ba, hướng dẫn vận dụng linh hoạt các nguyên lý quản trị vào bối cảnh hoạt động khác nhau tại các tổ chức dịch vụ.

Học phần gồm 7 chương. Hai chương đầu cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về dịch vụ và hệ thống cung ứng dịch vụ. Năm chương tiếp theo sẽ đề cập đến các khía cạnh khác nhau trong tổ chức quá trình sản xuất và cung ứng dịch vụ.

### **3. 26. TOU3009 QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN (HOSPITALITY FINANCIAL MANAGEMENT)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: ACC1001 - Nhập môn kế toán**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản trị tài chính trong lĩnh vực du lịch. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể hiểu, lập và phân tích các báo cáo tài chính, vốn kinh doanh, điểm hoà vốn, lập ngân sách hoạt động, đánh giá các dự án đầu tư cũng như các nội dung liên quan đến giá trị thời gian của đồng tiền.

**3.27. TOU3001 TỔNG QUAN DU LỊCH (AN INTRODUCTION TO TOURISM)**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: MGT1002- Quản trị học**

Học phần được thiết kế hướng đến việc giúp cho người học nắm vững các đặc thù của kinh doanh du lịch, nhờ đó hiểu và vận dụng được các kiến thức từ khối các học phần cơ bản vào các môn chuyên ngành du lịch và khách sạn. Cụ thể:

Thứ nhất, hiểu rõ bản chất, đặc điểm, cấu trúc của ngành du lịch và những xu hướng phát triển du lịch Việt Nam và thế giới.

Thứ hai, đánh giá được những tác động cả tích cực và tiêu cực của phát triển du lịch đến các mặt kinh tế - xã hội - môi trường của địa phương.

Thứ ba, phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi của du khách và doanh nghiệp du lịch trong việc hình thành và phát triển một điểm đến du lịch.

Thứ tư, hiểu được vai trò và hoạt động của chính phủ trong quản lý phát triển du lịch Thứ năm, vận dụng các kiến thức của học phần để đề xuất các giải pháp phát triển du lịch bền vững cho một điểm đến du lịch

### **3.28. ACC2002 - KẾ TOÁN QUẢN TRỊ (MANAGEMENT ACCOUNTING)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: ACC1001- Nhập môn kế toán**

Học phần giúp người học hiểu sâu sắc bản chất, chức năng, nội dung và phương pháp của kế toán quản trị. Cụ thể học phần cung cấp các nội dung về các cách phân loại chi phí, các phương pháp tính giá, lập dự toán và kiểm soát chi phí, phân tích chi phí trong quan hệ với sản lượng và lợi nhuận, và phân tích thông tin thích hợp hỗ trợ cho việc ra quyết định của nhà quản trị.

### **3.29. MGT3011 KHỞI SỰ KINH DOANH (ENTREPREUNSHIP)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: MGT2002-Nhập môn kinh doanh**

Tinh thần đổi mới sáng tạo, năng lực tìm kiếm và triển khai cơ hội kinh doanh mới đó là những năng lực mà một nhà quản trị, một người kinh doanh trong mọi lĩnh vực cần phải có. Khởi sự kinh doanh không đơn thuần là khởi nghiệp một đơn vị kinh doanh mới, mà đó là quá trình liên tục tìm kiếm và triển khai ý tưởng kinh doanh mới, trong suốt thời gian tồn tại của một tổ chức kinh doanh. Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về **Tinh thần kinh doanh**, **Tiến trình khởi nghiệp** và cách thức xây dựng **Mô hình kinh doanh**

### **3.30. IBS3007 QUẢN TRỊ ĐA VĂN HÓA (CROSS-CULTURAL MANAGEMENT)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: MGT2002 - Nhập môn kinh doanh**

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết về văn hóa, các khía cạnh đo lường văn hóa, văn hóa tổ chức, những sự khác biệt về văn hóa và ảnh hưởng đa chiều của nó đến các giải pháp và quyết định của nhà quản trị trong môi trường đa văn hóa. Học phần giúp người học nhận ra những thách thức và cơ hội liên quan đến quản trị trong môi trường toàn cầu; xem xét và thảo luận các chủ đề và những tình huống mà nhà quản trị phải đối mặt trên nhiều phương diện như truyền thông, đàn phán và ra quyết định, hành vi tổ chức, quản trị nguồn nhân lực, marketing, đạo đức và trách nhiệm xã hội... trong khung cảnh đa văn hóa.

### **3.31. TOU3048 QUẢN TRỊ ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH (TOURISM DESTINATION MANAGEMENT)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: TOU3001 - Tổng quan du lịch**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị điểm đến và vai trò khác nhau của quản trị điểm đến bao gồm hoạch định cho điểm đến, nghiên cứu, đối tác và thị trường của điểm đến. Học phần này cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng thực hiện thành công các hoạt động quản trị điểm đến. Cuối cùng, học phần giúp người học hiểu và vận dụng kiến thức và kỹ năng về hoạch định điểm đến, nghiên cứu sản phẩm của điểm đến, giải quyết vấn đề và xây dựng mối quan hệ với đối tác.

### **3.32. COM3003 QUẢN TRỊ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG (CUSTOMER RELATIONSHIP MANAGEMENT)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: MKT2001 Marketing căn bản**

Quản trị quan hệ khách hàng (CRM) là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về CRM và các nguyên lý thực hành CRM trong môi trường kinh doanh hiện đại. Môn học tập trung vào một số vấn đề căn bản của CRM gồm: .

* + - Tổng quan về quản trị quan hệ khách hàng (gồm các nội dung: khái niệm CRM, các

đặc điểm của một mối quan hệ, quản trị vòng đời khách hàng)

* + - CRM chiến lược (gồm các nội dung: Quản trị danh mục khách hàng, giá trị khách hàng, quản trị trải nghiệm khách hàng)
    - CRM tác nghiệp (gồm các nội dung: Tự động hoá marketing, Tự động hoá lực lượng bán, Tự động hoá dịch vụ)
    - CRM phân tích (gồm các nội dung: Phát triển và quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, Sử dụng cơ sở dữ liệu khách hàng)
    - Tổ chức và triển khai dự án CRM (gồm các nội dung: Cấu trúc tổ chức về quản trị khách hàng, quy trình triển khai dự án CRM)

### **3.33. \_\_\_\_\_\_TƯ DUY THIẾT KẾ VÀ TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG (DESIGN THINKING AND CUSTOMER EXPERIENCE)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: MKT2001-Marketing căn bản**

Mô tả được các khái niệm và lý thuyết liên quan đến tư duy thiết kế, marketing trải nghiệm và quản trị trải nghiệm khách hàng.

Giải thích được bộ công cụ tư duy thiết kế dành cho nhà quản trị và từng giai đoạn trong quy trình tư duy thiết kế.

Ứng dụng được các nguyên lý của tư duy thiết kế để xây dựng hệ thống quản trị trải nghiệm khách hàng

### **3.34\_\_\_\_\_\_\_CÁC QUY ĐỊNH VÀ THỦ TỤC PHÁP LÝ TRONG TỔ CHỨC SỰ KIỆN (REGULATION AND LEGAL PROCEDURES IN ORGANISING EVENTS)**

### **Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: TOU3039-Nhập môn Quản trị sự kiện**

Học phần Các quy định và thủ tục pháp lý trong tổ chức sự kiện trang bị cho người học các kiến thức nền tảng về các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức sự kiện cũng như những kỹ năng cần thiết để xử lý các vấn đề đó. Cụ thể, học phần sẽ giới thiệu với người học những quy định và thủ tục pháp lý liên quan đến tổ chức một số loại sự kiện. Tiếp đó, học phần sẽ cung cấp cho người học những kinh nghiệm thực tế trong việc thực hiện các thủ tục pháp lý cũng như xử lý các tranh chấp pháp lý trong việc tổ chức sự kiện.

**3.35. MKT0319 -CÔNG CỤ TRUYỀN THÔNG TRỰC TUYẾN (ONLINE MARKETING COMMUNICATION TOOL)**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: MKT2001\_Marketing căn bản**

Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao, trong việc lên kế hoạch, triển khai và đo lường hiệu quả một chiến dịch marketing và truyền thông trên môi trường số. Trong đó, học phần tập trung vào kỹ năng ứng dụng các kỹ thuật và công cụ công nghệ thông tin để triển khai các ý tưởng marketing trên Internet.

Tổng quan kiến thức căn bản về marketing và truyền thông số;

Trang bị các kiến thức và kỹ năng để thực hiện marketing và truyền thông qua các phương tiện truyền thông số như: website, thư điện tử, công cụ tìm kiếm trực tuyến, mạng xã hội.v.v.

Trang bị các kiến thức và kỹ năng để theo dõi, kiểm soát, đo lường và tối ưu hóa hiệu quả của các chiến dịch Internet marketing.

**3.36. TOU3023-DU LỊCH MICE (MICE TOURISM)**

**Số tín chỉ: 2 tín chỉ.**

**Học phần điều kiện học trước: TOU3001-TỔNG QUAN DU LỊCH**

Môn học này nhằm trang bị cho người học các hiểu biết nền tảng và vai trò của ngành du lịch MICE (Meetings, Incentive, Conventions and Events/Exhibitions) đối với ngành du lịch. Môn học MICE là môn học liên quan đến việc tổ chức du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, du lịch khen thưởng của các công ty cho các nhân viên và đối tác. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch MICE, các điều kiện lựa chọn địa điểm tổ chức cuọc họp, sự kiện, triển lãm, nhu cầu khách du lịch MICE, xây dựng chiến lược Marketing cho các sản phẩm du lich MICE nhằm nhằm thu hút và lưu giữ khách hàng. Giúp người học có khả năng đưa ra các quyết định cụ thể trong những tình huống thực hoặc gỉả định, ra quyết định trong mối quan hệ với các ngành trong kinh doanh du lịch

**3.37. TOU3034 - ĐIỀU PHỐI VÀ TÁC NGHIỆP SỰ KIỆN (EVENT COORDINATOR AND PRODUCTION)**

### **Số tín chỉ: 03 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: TOU3039-Nhập môn Quản trị sự kiện**

Học phần Điều phối và tác nghiệp sự kiện cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản để phối kết hợp và quản lý tất cả các vấn đề của sự kiện để đảm bảo sự kiện diễn ra thuận lợi và đúng như hoạch định ban đầu. Cụ thể, học phần sẽ giới thiệu với người học những vấn đề cơ bản về các công việc, nhiệm vụ và kỹ năng cần có để có thể thực hiện điều phối các hoạt động trong sự kiện. Đồng thời, học phần cũng trình bày với người học những nguyên tắc, nhiệm vụ thực hiện điều phối hậu cần sự kiện và tác nghiệp thực hiện kịch bản của sự kiện lễ hội. Cuối cùng, học phần cũng dành một dung lượng nội dung giúp sinh viên hiểu rõ những điểm đặc thù trong quản trị nhân sự để thực hiện điều phối và thực hiện sự kiện, lễ hội thành công. Song song với kiến thức thực tiễn, học phần sẽ cung cấp cho người học những tình huống, cơ hội và trải nghiệm thực tế thực hiện Điều phối và tác nghiệp sự kiện. (qua casestudy, trao đổi, quan sát chuyên gia và trực tiếp thực hiện điều phối các sự kiện nhỏ).

### **3.38. TOU 3035 -GÂY QUỸ VÀ TÌM TÀI TRỢ CHO SỰ KIỆN (EVENT FUNDRAISING AND SPONSORSHIP)**

**Số tín chỉ: 03 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: TOU3039- Nhập môn Quản trị sự kiện**

**Học phần này được xây dựng nhằm**:

Thứ nhất, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kinh nghiệm thực tế về gây quỹ và quy trình lên kế hoạch gây quỹ cho sự kiện đặc biệt đối với các tổ chức phi lợi nhuận.

Thứ hai, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kinh nghiệm thực tế về tài trợ sự kiện thương mại và quy trình lập kế hoạch marketing trong hoạt động kêu gọi tài trợ sự kiện.

Thứ ba, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kinh nghiệm thực tế về cách lập bản đề xuất xin tài trợ, cách soạn thảo hợp đồng tài trợ; cách đánh giá bản đề xuất tài trợ và phương pháp đo lượng hiệu quả hoạt động tài trợ.

**3.39.\_\_\_\_\_\_\_KIẾN TẬP NGHỀ NGHIỆP (OCCUPATIONAL INTERNSHIP)**

**Số tín chỉ: 03 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: TOU3039-Nhập môn quản trị sự kiện**

Học phần này được xây dựng nhằm:

Thứ nhất, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần có và các hoạt động chuẩn bị của một nhân viên tổ chức sự kiện trước khi bắt đầu vào làm việc.Thứ hai, hướng dẫn sinh viên thực hành các quy trình công việc của một nhân viên tổ chức sự kiện với các loại sự kiện khác nhau và thực hành các kỹ năng về giao tiếp với khách hàng, nhà cung ứng, người quản lý, đồng nghiệp, và các kỹ năng mềm khác.

Thứ ba, trang bị cho sinh viên khả năng xử lý tình huống và giải quyết các sự cố hay xảy ra trong quá trình tổ chức sự kiện.

Thứ tư, hình thành cho sinh viên một tác phong làm việc chuyên nghiệp, chuẩn mực của một nhân viên tổ chức sự kiện khi bước vào môi trường thực tế

**3.40. TOU3038- MARKETING SỰ KIỆN (MARKETING EVENTS)**

**Số tín chỉ:** 3 tín chỉ.

**Học phần điều kiện học trước:** MKT2001 – Marketing cơ bản

Môn học này giúp sinh viên hiểu được một số khái niệm nền tảng của Marketing ứng dụng cho sản phẩm cụ thể là sự kiện, giúp sinh viên hiểu được về sự kiện cũng như những vai trò của sự kiện đối với một điểm đến du lịch hay đối với một doanh nghiệp. Các sinh viên có thể hiểu được các đối tượng khách hàng mục tiêu của các sự kiện, đặc điểm của từng loại khách hàng, từ đó đề ra các giải pháp tổ chức các hoạt động truyền thông truỳen thống cũng như trên nền tảng ứng dụng công nghệ 4.0 nhằm thu hút các đối tượng khách hàng này đến với điểm đến hay marketing cho các sự kiện để các khách hàng chú ý đến các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

**3.41. TOU3039- NHẬP MÔN QUẢN TRỊ SỰ KIỆN ( INTRODUCTION TO EVENT MANAGEMENT)**

**Khối lượng học tập: 02 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: Không**

Học phần trang bị cho sinh viên một cách khái quát có hệ thống kiến thức lý luận trong lĩnh vực sự kiện, ngành công nghiệp sự kiện, bao gồm: Tổng quan về sự kiện, ngành công nghiệp sự kiện, nghề tổ chức và quản trị sự kiện; các bên liên quan và hoạt động quản trị sự kiện. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thực hành: áp dụng các nguyên tắc, công cụ về quản trị sự kiện đánh giá các tác động tiềm tàng của sự kiện; lập kế hoạch sự kiện; sáng tạo ý tưởng sự kiện; đánh giá tính khả thi của ý tưởng tổ chức sự kiện; áp dụng các nguyên tắc của marketing thiết kế chương trình sự kiện...

**3.42. TOU3040-QUẢN TRỊ DỰ ÁN SỰ KIỆN (MANAGEMENT PROJECT EVENT)**

**Số tín chỉ: 03 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: TOU3039-Nhập môn quản trị sự kiện**

Học phần này được xây dựng nhằm:

Thứ nhất, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dự án sự kiện.

Thứ hai, rèn luyện cho sinh viên phương pháp, tiến trình, cách thức hoạch định và triển khai các chương trình của một dự án sự kiện.

Thứ ba, trang bị cho sinh viên kỹ năng quản trị và phân bổ các nguồn lực thực hiện dự án sự kiện.

Thứ tư, trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng quản trị tiến độ và tài chính thực hiện dự án sự kiện.

**3.43. TOU3041 - QUẢN TRỊ HẬU CẦN SỰ KIỆN (EVENT LOGISTICS MANAGEMENT)**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ.**

**Học phần điều kiện học trước: TOU3039 – Nhập môn quản trị sự kiện**

Cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng quản trị hậu cần cho sự kiện/ lễ hội trong các doanh nghiệp chuyên tổ chức các sự kiện/lễ hội. Cụ thể:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về các hoạt động hậu cần của một sự kiện để người học hiểu rõ đặc điểm, bản chất, công việc cụ thể của hoạt động hậu cần trong sự kiện/ lễ hội làm cơ sở cho việc đưa ra các quyết định quản trị hậu cần sự kiện.

Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng quản trị công tác hậu cần sự kiện cho người học: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát.

**3.44\_\_\_\_\_\_QUẢN TRỊ RỦI RO SỰ KIỆN (RISK MANAGEMENT FOR EVENT)**

**Số tín chỉ: 02 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: Không**

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức lý thuyết nền về quản trị rủi ro sự kiện, bao gồm: Hiểu biết rủi ro sự sự kiện; Lập kế hoạch chiến lược quản trị rủi ro sự kiện; Kỹ thuật xây dựng các kịch bản xử lý các tình huống khẩn cấp trong sự kiện. Đồng thời, học phần giúp sinh viên hình thành năng lực có trách nhiệm với nghề nghiệp, có tinh thần học hỏi sáng tạo trong hoạt động quản trị rủi ro cho sự kiện.

**3.45. TOU3043-THIẾT KẾ VÀ TRANG TRÍ SỰ KIỆN (EVENT DESIGN AND DECORATION)**

**Số tín chỉ: 03 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: TOU3039-Nhập môn quản trị sự kiện**

Học phần Thiết kế và trang trí sự kiện nhằm:

Thứ nhất, trang bị cho người học các khái niệm, nguyên tắc cơ bản trong thiết kế, trang trí và tiến hành các sự kiện; các hiểu biết cơ bản về các yếu tố nguồn lực trong thiết kế, dàn dựng và tiến hành các sự kiện.

Thứ hai, giúp người học có thể vận dụng các kiến thức môn học vào việc đưa ra ý tưởng, viết kịch bản, tổ chức dàn dựng và tiến hành các sự kiện.

Thứ ba, tạo điều kiện cho người học trang bị và trau dồi kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích tình huống và ra quyết định, kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng giao tiếp, hình thành và củng cố cho người học một thiên hướng phục vụ khách hàng, có trách nhiệm và trung thực trong phục vụ khách, luôn lắng nghe và không ngừng học hỏi

**3.46. ENG3002- TIẾNG ANH DU LỊCH (ENGLISH FOR TOURISM)**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ.**

**Học phần điều kiện học trước: Học phần Anh văn 5**

“Tiếng Anh du lịch” là một khóa học được thiết kế dựa trên các nội dung liên quan đến lĩnh vực du lịch và khách sạn như việc quảng bá và bán các sản phẩm du lịch. Khóa học cung cấp cho sinh viên tiếng Anh cần thiết để giao tiếp trực tiếp với khách du lịch và tiếng Anh cần thiết để thảo luận về các vấn đề du lịch ở cấp độ quản lý cơ bản. Các kỹ năng ngôn ngữ được tích hợp trong mỗi đơn vị bài học giúp sinh viên có cơ hội thực hành giao tiếp các tình huống thực tế trong ngành du lịch và khách sạn. Ngoài ra, sinh viên tiếp cận được nhiều loại văn bản và từ vựng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành bao gồm các khái niệm cơ bản mà họ đã và đang học ở các môn chuyên ngành du lịch và khách sạn khác.

**3.47. TOU3036- HÀNH VI CỦA KHÁCH HÀNG TRONG LĨNH VỰC TỔ CHỨC SỰ KIỆN (CONSUMER BEHAVIOR IN EVENTS)**

**Số tín chỉ: 2 tín chỉ.**

**Học phần điều kiện học trước:** MKT2001 **-** Marketing căn bản

Học phần Hành vi của khách hàng trong lĩnh vực tổ chức sự kiện nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về các yếu tố tâm lý, môi trường và cá nhân

tác động đến việc tiêu dùng sự kiện. Cụ thể, học phần giới thiệu mô hình ra quyết định tiêu dùng, mô hình động cơ và mô hình liên tục tâm lý của khách hàng sự kiện. Theo đó, các ứng dụng liên quan đến hoạt động marketing sự kiện cũng được tập trung phân tích và minh hoạ cho người học qua các ví dụ thực tế từ chuyên gia trong lĩnh vực sự kiện. Ngoài ra, sự kiện là một sản phẩm dịch vụ khác biệt so với các dịch vụ khác nên các yếu tố tâm lý khách hàng đặc thù và các ràng buộc cũng được học phần này đề cập đến.

**3.48. TOU3037- KỸ NĂNG MC VÀ HOẠT NÁO (MASTER OF CEREMONIES AND CHEERLEADER)**

**Số tín chỉ: 02 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: Không**

Học phần được thiết kế trên cơ sở ba nội dung tổng quát:

Thứ nhất, cung cấp những kiến thức nền tảng của MC sự kiện và hoạt náo

Thứ hai, cung cấp các kỹ năng để người học có khả năng thực hành dẫn chương trình sự kiện và hoạt náo hiệu quả

Thứ ba, cung cấp những định hướng giải quyết vấn đề và tình huống khẩn cấp trong hoạt động dẫn chương trình sự kiện và hoạt náo

**3.49. MKT3007- MARKETING KỸ THUẬT SỐ (DIGITAL MARKETING)**

**Số tín chỉ: 3 tín chỉ.**

**Học phần điều kiện học trước: MKT2001 - Marketing căn bản**

Môn Marketing kỹ thuật số nhằm trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để xây dựng, phân tích, đánh giá các vấn đề truyền thông của doanh nghiệp trong bối cảnh môi trường marketing số. Học viên sẽ có khả năng tự thiết kế và tổ chức thành công các dự án marketing trực tuyến, phát triển mối quan hệ bền vững với khách hàng và góp phần nâng cao hiệu quả của chiến lược marketing chung của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học viên cũng được giới thiệu các phương pháp hiện đại trong việc đánh giá hiệu quả marketing trực tuyến, marketing qua điện thoại di động và các chiến thuật xây dựng mạng xã hội.

**3.50. \_\_\_\_\_\_\_\_ MARKETING QUA MẠNG XÃ HỘI VÀ THIẾT BỊ DI ĐỘNG (SOCIAL MEDIA AND MOBILE MARKETING)**

**Số tín chỉ:** 3 tín chỉ.

**Học phần điều kiện học trước**: MKT2001- Marketing căn bản

Mạng xã hội (Social media) và công nghệ di động đã và đang liên tục thay đổi việc tương tác giữa khách hàng và công ty. Đáp ứng những thách thức do tác động của phương tiện truyền thông xã hội và thiết bị di động trong không gian số, môn học này sẽ cung cấp kiến thức chuyên sâu nhằm giúp sinh viên thiết lập mục tiêu, nghiên cứu thị trường tiềm năng, nghiên cứu hành vi khách hàng trong môi trường số, và sử dụng các chỉ số đo lường để đánh giá sự thành công và thất bại của một chiến dịch. Dựa trên nền tảng lý thuyết vững chắc về marketing, môn học sẽ cung cấp kiến thức về một quy trình để thực hiện một chiến dịch marketing trên mạng xã hội và thiết bị di động nhằm xây dựng giá trị thương hiệu

Cụ thể, môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về social media marketing và minh họa cách các công cụ social media được sử dụng. Thông qua phân tích cách người tiêu dùng tương tác với mạng xã hội và cách thông tin lan truyền trên mạng xã hội, sinh viên sẽ áp dụng để xây dựng, quản lý và thực hiện hiệu quả các chiến dịch social media marketing.

Đồng thời, môn học cũng cung cấp kiến thức cơ bản về mobile marketing, hiểu các khía cạnh quan trọng trong hoạt động marketing trên nền tảng thiết bị di động. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu về các chức năng, thiết kế, mục tiêu và kỹ thuật cốt lõi của các ứng dụng trên điện thoại (Mobile apps), quảng cáo trên điện thoại, mobile search, QR code, Location-Based service,… Cuối cùng, với việc hiểu rõ quy trình phát triển một chiến dịch mobile marketing, người học sẽ triển khai phân tích tình huống thực tiễn, lập kế hoạch và thiết kế chiến dịch mobile marketing hiệu quả.

**3.51. RMD3001 - PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (RESEARCH METHODOLOGY)**

**Số tín chỉ: 2 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: Không**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về phương pháp NCKH trong kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về xác định vấn đề nghiên cứu, tổng quan tài liệu, thiết kế nghiên cứu, chọn mẫu, sử dụng công cụ thống kê và trình bày kết quả thống kê. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

### **3.52. TOU3014- QUẢN TRỊ KINH DOANH LỮ HÀNH (TOUR OPERATOR MANAGEMENT)**

### **Số tín chỉ: 3 tín chỉ**

### **Học phần điều kiện học trước: TOU3001 – Tổng quan du lịch**

### Học phần được thiết kế nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về kinh doanh lữ hành cũng như doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp kinh doanh lữ hành**.** Cung cấp các kiến thức và nguyên tắc trong đánh giá và xây dựng mối quan hệ giữa doanh nghiệp kinh doanh lữ hành với các đơn vị cung ứng dịch vụ**.** Hơn nữa còn giúp người học có các kiến thức và kỹ năng trong kinh doanh các chương trình du lịch như tổ chức xúc tiến hỗn hợp và tổ chức bán chương trình du lịch; quản lý chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.

### **3.53\_\_\_\_\_\_\_\_ QUẢN TRỊ KINH DOANH LƯU TRÚ (HOSPITALITY MANAGEMENT)**

**Số tín chỉ: 02 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: TOU3001-Tổng quan du lịch**

Giúp sinh viên hiểu biết về ngành kinh doanh lưu trú du lịch và tổ chức một cơ sở lưu trú du lịch, đồng thời giúp sinh viên nắm được các công việc điều hành các hoạt động chính trong một cơ sở lưu trú, và có khả năng ứng dụng linh hoạt kiến thức của học phần để đánh giá và giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh lưu trú du lịch.

**3.54\_\_\_\_\_\_\_ QUẢN TRỊ KINH DOANH NHÀ HÀNG (RESTAURANT MANAGEMENT)**

**Số tín chỉ: 2** tín chỉ

**Học phần điều kiện học trước: TOU3001 -** Tổng quan du lịch

Môn học cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng quản trị một nhà hàng, cụ thể:

- Phân tích các đặc điểm kinh doanh nhà hàng, làm cơ sở cho việc ra các quyết định quản trị nhà hàng;

- Cung cấp kiến thức và rèn luyện các kỹ năng quản trị nhà hàng: hoạch định; tổ chức; lãnh đạo; kiểm tra, đánh giá;

- Phân tích, đánh giá kết quả kinh doanh và ra các các quyết định mở cửa, đóng cửa kinh doanh nhà hàng.

**3.55\_\_\_\_\_\_\_\_\_ THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH (TOUR DESIGN AND OPERATION)**

**Số tín chỉ:** 2 tín chỉ.

**Học phần điều kiện học trước:** TOU3014 - Quản trị Kinh doanh Lữ hành

Học phần được xây dựng nhằm:

* Thứ nhất: Cung cấp những kiến thức cơ bản về sản phẩm lữ hành, cách thức xây dựng và điều hành thực hiện chương trình du lịch ở một đơn vị kinh doanh lữ hành.
* Thứ hai: Cung cấp các kiến thức và nguyên tắc trong phối hợp hoạt động của các bộ phận trong xây dựng và điều hành thực hiện chương trình du lịch.
* Thứ ba: cung cấp các kiến thức và kỹ năng trong kinh doanh các chương trình du lịch như hệ thống các nhà cung ứng dịch vụ, thiết kế chương trình du lịch, điều hành chương trình du lịch, phối hợp xử lý các phàn nàn của khách và các tình huống phát sinh trong tour.

### **3.56a. TOU4006 - THỰC TẬP TỐT NGHIỆP – KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP (GRADUATION INTERNSHIP – GRADUATION THESIS)**

**Khối lượng học tập: 10 tín chỉ.**

**Học phần điều kiện học trước: Các học phần chung của ngành và các học phần bắt buộc của chuyên ngành**

Học phần này được xây dựng nhằm:

+ Giúp sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động thực tiễn, tăng cường và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào thực tiễn hoạt động kinh doanh và quản trị của ngành kinh doanh du lịch và tổ chức sự kiện

+Bên cạnh đó, sinh viên sẽ có cơ hội rèn luyện phong cách làm việc, phẩm chất đạo đức, hình thành ý thức nghề nghiệp để có thể thích nghi tốt với những đòi hỏi của công việc trong tương lai.

**3.56b. TOU4006 - THỰC TẬP TỐT NGHIỆP - BÁO CÁO TỐT NGHIỆP (GRADUATION INTERNSHIP – FINAL REPORT)**

**Số tín chỉ: 10 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: Các học phần chung của ngành và các học phần bắt buộc của chuyên ngành**

Học phần này được xây dựng nhằm:

Củng cố và trang bị thêm cho sinh viên các kiến thức chuyên môn về các hoạt động tác nghiệp và quản trị trong hoạt động kinh doanh sự kiện và lễ hội và tổ chức các sự kiện và lễ hội, và các kiến thức kinh tế-văn hoá xã hội cần thiết khác.

Giúp sinh viên hiểu biết hơn về cách thức hoạch định, phối hợp và kiểm soát việc tổ chức các sự kiện và lễ hội, cách vận hành một doanh nghiệp hoặc một tổ chức chuyên tổ chức lễ hội và sự kiện.

Tạo cơ hội cho sinh viên trang bị thêm và trau dồi các kỹ năng chuyên môn, các kỹ năng sẵn sàng làm việc và kỹ năng cơ bản trong thế giới nghề nghiệp.

Phát triển thiên hướng phục vụ khách hàng, thái độ trách nhiệm, chuyên nghiệp và trung thực trong phục vụ khách, biết lắng nghe và không ngừng học hỏi.

**3.56c. TOU4006 - THỰC TẬP TỐT NGHIỆP - ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP (GRADUATION INTERNSHIP – FINAL REPORT)**

**Số tín chỉ: 10 tín chỉ**

**Học phần điều kiện học trước: Các học phần chung của ngành và các học phần bắt buộc của chuyên ngành**

**TỔ TRƯỞNG**

**TỔ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**TS. VÕ THỊ QUỲNH NGA**